

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH ĐẮK LẮK

Lớp 12



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đỗ Tường Hiệp (Chủ biên) – Krông Ái Hương Lan – Tô Minh Hùng – Niê Thanh Mai
Nguyễn Thị Tăng – Trần Thị Thái Hà – Mai Thanh Sơn – Hoàng Thị Kiều Oanh – Y Lam Niê
Đặng Nguyên Hà – Tống Xuân Tám – Đỗ Thị Thuỳ Dương – H'Ner B'Krông
Huỳnh Ngọc La Sơn – Ngô Tiến Sỹ

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH ĐẮK LẮK

Lớp **12**

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm giới thiệu cho học sinh những hiểu biết về địa phương, nơi các em đang sinh sống. Từ đó, bồi dưỡng cho các em tình yêu quê hương đất nước; lòng tự hào và có ý thức tìm hiểu, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá của quê hương Đắk Lắk. Thông qua những bài học sinh động, gắn gũi với cuộc sống diễn ra xung quanh, các em có thể gắn kết và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk lớp 12 gồm 8 chủ đề được biên soạn theo hướng tích hợp các lĩnh vực: văn hoá, lịch sử truyền thống; địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; chính trị – xã hội; môi trường. Mỗi chủ đề được thiết kế theo các bước: mục tiêu, mở đầu, kiến thức mới, luyện tập và vận dụng.

Với sự hướng dẫn của các thầy, cô giáo, các em hãy tích cực học tập và trải nghiệm để hiểu biết thêm về nơi mình sinh sống, đồng thời thêm yêu mến và gắn bó với quê hương mình.

Chúc các em có những giờ học, hoạt động trải nghiệm thật thú vị và bổ ích với **Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk lớp 12**.

Các tác giả

Các kí hiệu sử dụng trong tài liệu



MỤC TIÊU

Nêu những năng lực và phẩm chất học sinh cần hình thành sau khi học.



MỞ ĐẦU

Kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.



KIẾN THỨC MỚI

Thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.



LUYỆN TẬP

Cung cấp các câu hỏi, bài tập thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.



VẬN DỤNG

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Em có biết

Thông tin hỗ trợ, bổ sung nhằm làm rõ hơn nội dung chính.



Nghe bài hát và cảm nhận giai điệu.

Mục lục

	Trang
<i>Lời nói đầu</i>	03
<i>Các kí hiệu sử dụng trong tài liệu</i>	04
Chủ đề 1. Văn học viết Đắk Lắk giai đoạn từ 1975 đến nay	06
Chủ đề 2. Hoạt động âm nhạc tỉnh Đắk Lắk từ năm 1975 đến năm 2024	23
Chủ đề 3. Mĩ thuật Đắk Lắk từ năm 1975 đến nay	32
Chủ đề 4. Đắk Lắk vững bước trên đường đổi mới, hội nhập và phát triển từ năm 1986 đến nay	43
Chủ đề 5. Lao động và việc làm ở Đắk Lắk	56
Chủ đề 6. Đắk Lắk trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	63
Chủ đề 7. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Đắk Lắk	72
Chủ đề 8. Thực hiện chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Đắk Lắk	80

VĂN HỌC VIẾT ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN TỪ 1975 ĐẾN NAY



MỤC TIÊU

- Nêu được những kiến thức cơ bản về văn học viết Đăk Lăk giai đoạn từ 1975 đến nay.
- Có khả năng giới thiệu được một tác giả, một tác phẩm; bước đầu nghiên cứu một thể loại, một đề tài, một vấn đề về nội dung tư tưởng,...
- Liên hệ được với thực tiễn đời sống về những vấn đề được phản ánh trong văn học viết Đăk Lăk giai đoạn từ 1975 đến nay.
- Đọc hiểu được một số tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này.



MỞ ĐẦU



- *Em biết gì về văn học viết Đăk Lăk giai đoạn từ 1975 đến nay?*
- *Hãy kể tên một vài tác phẩm hoặc tác giả văn học viết Đăk Lăk giai đoạn từ 1975 đến nay.*
- *Trình bày một bài hát được phổ thơ từ tác phẩm văn học Đăk Lăk.*



KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIẾT ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN TỪ 1975 ĐẾN NAY

1. Bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá

Chiến thắng Buôn Ma Thuột ngày 10/3/1975 không chỉ là một sự kiện lịch sử mà còn là một dấu mốc quan trọng đối với Nhân dân Việt Nam nói chung, đồng bào Tây Nguyên nói riêng. Những ngày mới giải phóng, ngoài những khó khăn chung của cả nước, Đăk Lăk gặp không ít khó khăn như: sự chia rẽ đoàn kết dân tộc của tổ chức FULRO⁽¹⁾, sự chống phá của bè lũ Khmer Đỏ ở biên giới Tây Nam,

⁽¹⁾ FULRO (Mặt trận thống nhất đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức) đọc là Phun-rô, tiếng Pháp: Front Uni de Lutte des Races Opprimées là liên minh chính trị – quân sự của các sắc tộc Cao nguyên Trung phần, Chăm, Khmer tồn tại từ năm 1964 đến năm 1992. Sau năm 1975, FULRO được sự hậu thuẫn của các tổ chức phản động lưu vong vẫn ráo riết hoạt động, thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân, đòi ly khai Tây Nguyên. Dưới sự giật dây của những “ông chủ” ở nước ngoài, tổ chức này đã gây ra hàng loạt vụ tập kích ở nhiều buôn làng, sát hại và làm bị thương hàng nghìn người dân vô tội, trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng cho đồng bào Tây Nguyên.

tư tưởng thù nghịch của một số người với chế độ mới vẫn âm ỉ chờ dịp bùng phát, trình độ dân trí chưa cao; âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch bên ngoài,... Nhưng, đúng như quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận”, những hoạt động của văn học phải bám chắc phương hướng, nhiệm vụ chính trị, góp phần làm nên những thắng lợi chung. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, kế thừa những áng thơ văn đầy sức chiến đấu hào hùng qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, phát huy ý chí và tinh thần của ngày 10/3 lịch sử..., văn nghệ sĩ ở Đắk Lắk trở thành một trong những lực lượng xung kích, có bản lĩnh chính trị, làm tốt chức năng xây dựng đời sống văn hoá – tinh thần cho xã hội; chung sức, chung lòng cùng với nhân dân tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn lao góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực tế cho thấy, trong những ngày đầu đất nước thống nhất, văn học Đắk Lắk gặp rất nhiều khó khăn:

– Thứ nhất, về tổng thể, đó là một nền văn học chưa có bề dày. Văn học viết xuất hiện muộn, chủ yếu là truyền tay nhau hoặc truyền miệng giữa những tù chính trị trong nhà đày (đáng tiếc, những tác phẩm bị thất lạc gần hết); những tác phẩm thơ văn được sáng tác trong thời kì chống Mỹ và đấu tranh thống nhất đất nước hầu như chỉ nằm ở dạng bản thảo vì không có điều kiện in ấn,... Có thể nói, tính kế thừa sẵn có trước 1975 của văn học viết ở Đắk Lắk là rất hạn chế.

– Thứ hai, ngay sau ngày giải phóng Buôn Ma Thuột 1975, lực lượng sáng tác ở Đắk Lắk còn non trẻ. Số lượng văn nghệ sĩ thuộc diện “những người đi từ rừng ra” (tức những người từng tham gia kháng chiến chống Mỹ và đấu tranh thống nhất Tổ quốc tại chiến trường Đắk Lắk) cũng còn ít, lực lượng chi viện tăng cường chủ yếu nằm ở hai phương diện: xây dựng – quản lí (về mặt kinh tế) và an ninh – quốc phòng. Bên cạnh đó, vào những thập kỉ cuối của thế kỉ XX, Đắk Lắk còn là một tỉnh nghèo so với mặt bằng chung cả nước, thu chưa đủ chi, địa bàn rộng lớn, vẫn bị coi là miền hoang sơ, cơ sở hạ tầng thấp kém, việc thông thương giữa các vùng miền trong khu vực cũng như với các tỉnh bạn còn khó khăn, đời sống văn hoá – tinh thần có nhiều hạn chế. Bởi vậy, việc giữ được nhân tài, cán bộ ngành văn hoá thông tin (và an ninh – quốc phòng) đã khó, việc thu hút nhân tài và các cán bộ đến với Đắk Lắk và ở lại Đắk Lắk càng khó hơn. Như một lẽ tất nhiên, mặt trận văn học nghệ thuật cũng bị ảnh hưởng tác động sâu sắc. Lực lượng văn nghệ sĩ vốn đã ít ỏi, lại phải lo bươn chải với cuộc sống để kiếm thêm thu nhập bằng cách này hay cách khác, nên khó có thời gian thâm nhập vào đời sống thực tế, không có điều kiện để tiếp nhận những thông tin mới và sự giao lưu để học tập kinh nghiệm, không thể dồn hết tâm huyết cho việc sáng tạo văn học nghệ thuật...

Trước bối cảnh lịch sử xã hội nói chung và Đắk Lắk nói riêng, sự chỉ đạo từ các nghị quyết Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về công tác văn hoá – văn nghệ; các Nghị quyết của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, văn học – nghệ thuật Đắk Lắk không nằm ngoài quỹ đạo chung trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc, gắn bó với nền văn hoá cổ truyền, vì một nền văn học – nghệ thuật dân tộc và hiện đại. Để đoàn kết, tổ chức,

động viên những người làm công tác văn nghệ, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh đã tiến hành thành lập Ban vận động thành lập Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk.

Từ ngày 4/9 đến ngày 5/9/1990, Đại hội thành lập Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk thành công tốt đẹp đánh dấu bước ngoặt lịch sử trên chặng đường phát triển của văn học – nghệ thuật tỉnh Đắk Lắk. Ban đầu, Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk (gọi tắt là Hội Văn nghệ Đắk Lắk, viết tắt là Hội VHNT Đắk Lắk) có 45 hội viên thuộc các chuyên ngành: văn học, âm nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu – biểu diễn, văn hoá dân gian, kiến trúc. Hội Văn nghệ trở thành một tổ chức, chịu sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, do Uỷ ban nhân dân tỉnh quản lí, là thành viên của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk. Hội là nơi tập hợp lực lượng các văn nghệ sĩ trong tỉnh, tạo điều kiện cho họ phát huy tiềm năng sáng tạo văn học, nghệ thuật để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hội cũng đồng thời vừa là vườn ươm vừa là vườn hoa trái của văn học, nghệ thuật ở địa phương và cả nước.

2. Đặc điểm của văn học viết Đắk Lắk giai đoạn từ 1975 đến nay

Đặc điểm nổi bật của văn học Đắk Lắk là thiếu tính kế thừa dòng văn học viết từ các giai đoạn trước, đội ngũ sáng tác đa số là không chuyên, những người cầm bút sáng tác văn học được sinh ra và lớn lên ở Đắk Lắk trong giai đoạn sau năm 1975 là rất ít (đại đa số từ nhiều miền quê khác nhau về đây và chọn Đắk Lắk làm quê hương thứ hai của mình), Hội Văn học Nghệ thuật ra đời muộn (so với mặt bằng chung của cả nước).

Về đội ngũ sáng tác, sau năm 1975, ngoài những người “đi từ rừng ra” còn được bổ sung thêm lực lượng mới là các trí thức được điều động từ miền Bắc vào tiếp quản, những cán bộ mới ra trường được phân công vào Đắk Lắk, những học sinh đã hết cấp III được tuyển vào học các khoá đào tạo ngắn hạn để phân bổ về Đắk Lắk công tác tương đối đồng đều. Nhưng do giao thông khó khăn, thông tin liên lạc còn lạc hậu, không ở lại sau khi hết thời gian nghĩa vụ; việc in ấn sách báo rất hạn chế cả về số lượng và hình thức.

Từ sau năm 1990, văn học Đắk Lắk tiếp tục đi sâu vào ca ngợi khí thế hào hùng của dân tộc nói chung và Đắk Lắk nói riêng, ca ngợi cuộc sống mới sinh sôi, vững tin vào tương lai; đấu tranh với những tàn dư của chế độ thù địch, đấu tranh với những thế lực phản động đang âm mưu “diễn biến hoà bình”, đề cao tinh thần cảnh giác với những thủ đoạn phá hoại gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh với những tư tưởng lạc hậu,... cổ vũ ý chí cách mạng kêu gọi mọi người góp sức vào công cuộc xây dựng đất nước, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân,...

Văn học viết ở Đắk Lắk có tuổi đời khá non trẻ và có những đặc điểm riêng của một vùng văn hoá.

Đắk Lắk không có xưởng phim, không có đoàn kịch chuyên nghiệp (đến nay có Đoàn Ca múa Dân tộc Đắk Lắk và các Đội thông tin lưu động). Chính vì thế, kịch bản văn học Đắk Lắk hầu như không có. Tất cả các kịch bản xuất hiện ở Đắk Lắk chỉ ở dạng làm công tác tuyên truyền, cổ động các phong trào, do các đội thông tin

lưu động trình diễn. Cũng đã có tác giả chuyển thể từ truyện sang kịch bản nhưng không thành công, không gây được ấn tượng khi dựng thành phim truyền hình.

Về lí luận và phê bình văn học, hầu như chỉ ở mức độ nghiệp dư chưa có tính chuyên nghiệp theo đúng yêu cầu. Mỗi khi có đầu sách được xuất bản, cũng có xuất hiện bài viết đánh giá, nhận định, bình luận,... nhưng cũng chỉ là sự đồng điệu trong quá trình đọc và cảm thụ. Có nghĩa là chỉ thiên về bình chứ chưa hẳn là “phê”, càng ít hơn nữa là sự đòi hỏi phải nghiên cứu và viện dẫn bằng “ý”.

Lực lượng sáng tác ở Đắk Lắk là nơi “trăm miền quê góp nên một miền quê”, do đó đội ngũ văn nghệ sĩ Đắk Lắk đa số là từ nơi khác đến, chọn Đắk Lắk là quê hương mới của mình. Bởi vậy, bên cạnh những khó khăn cũng có những thuận lợi cho hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật. Với 49 dân tộc từ nhiều vùng miền về đây sinh cơ lập nghiệp, Đắk Lắk trở thành miền đất đa sắc tộc, đa văn hoá, căng nhựa sống,... nhiều tiềm năng để khai thác phục vụ việc sáng tạo văn học, nghệ thuật. Chính vì thế, văn học Đắk Lắk có tiếng hát của trăm miền, đậm chất sử thi nhưng không thiếu tính hiện đại, có tính triết luận của xứ Bắc nhưng cũng có sự mộc mạc của phương Nam, có cánh cò chấp chới và cũng có tiếng vó ngựa ô dồn dập,... Những người cầm bút ở Đắk Lắk có ý thức kết hợp các tinh hoa văn hoá của các dân tộc, kết hợp việc bảo tồn, phát huy các yếu tố truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình hoặc của quê hương xứ sở, đồng thời biết giao lưu, tiếp thu các yếu tố tiên tiến để làm giàu cho nền văn hoá trên vùng đất đã được coi là máu thịt của mình.

Đội ngũ sáng tác văn thơ ở Đắk Lắk xuất thân từ nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề trong xã hội. Đó có thể là giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, bộ đội, cán bộ lãnh đạo, nhà báo, người thợ, sinh viên, học sinh,... Tất cả đã đến với văn chương bằng sự yêu say và lòng đam mê tự nguyện, cho nên văn thơ Đắk Lắk gần gũi với nhân dân, gắn mình với cuộc sống, làm tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Đó là những con người biết làm cho những người ở xa Đắk Lắk, hoặc chưa một lần đặt chân đến vùng đất này nhưng vẫn thấu hiểu được màu đất đỏ badan là sự tươi ròng của máu và hoa cùng hoà quyện với hàng triệu trái tim đang gắn bó máu thịt với đất đai và truyền thống của mình, cùng đắm chìm với hương vị cà phê, biết được sự ẩn chứa trong cái vẻ màu xanh bạt ngàn của cao su là những dòng nhựa trắng, thấy rõ được trong cái hoang sơ của đại ngàn là xu thế phát triển về mọi mặt của đời sống, cảm thông được với những khó khăn gian khổ của con người Đắk Lắk đang gồng mình để vươn lên trong cái khốc liệt của mưa nắng Tây Nguyên để xây dựng cuộc sống mỗi ngày thêm đẹp.

Lực lượng văn nghệ sĩ Đắk Lắk đã biết kế thừa tinh hoa truyền thống biết tận dụng nền văn hoá đa dạng và phong phú của nhiều dân tộc, nhiều vùng miền đang cùng chung sống trên mảnh đất hào hùng lịch sử, phát huy khả năng sáng tạo, xác định vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ chính trị của mình trong công cuộc kiến thiết nước nhà. Bản thân mỗi cá nhân luôn tự xác định phải đóng góp hết khả năng và sức lực của mình cho cuộc sống, cho Tổ quốc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi thế, văn học Đắk Lắk không ngừng hoàn thiện mình để đóng góp cho văn học nước nhà bằng diện mạo của riêng mình trong dòng chảy chung.

Xét theo thời gian gắn bó với Đắk Lắk, có thể phân chia thành hai lớp. Lớp “những người đi từ rừng ra” có thể kể đến các đồng chí lãnh đạo tỉnh như: Nguyễn Xuân Nguyên, Huỳnh Văn Cần, Ama H’Oanh (Tô Tấn Tài) với những bài thơ nghiêng về công tác tuyên truyền, cổ động và một số ít người viết mang tính nghệ thuật như: Hữu Chinh, Trúc Hoài, Nguyễn Hữu Trí, Vũ Nhật Hồng hoặc là những cán bộ được điều động, tăng cường từ nơi khác chuyển đến như: Nhị Hà, Thiên Lương, Chính Tâm, Triệu Cơ, Hoàng Chuyên.

Đội ngũ sáng tác văn học ở Đắk Lắk bao gồm nhiều độ tuổi, nhiều tầng lớp, bên cạnh những tác giả đã có “độ chín”, có nhiều tác giả trẻ trưởng thành sau thời kì đổi mới và một số tác giả ở nhiều địa phương khác tham gia đóng góp cho văn học tỉnh nhà.

Văn học Đắk Lắk từ sau năm 1975 là một bộ phận của văn hoá Đắk Lắk nói riêng và nền văn hoá Việt Nam nói chung, là một dòng chảy đang từng ngày từng ngày hoà mình vào con sông lớn để nhập vào biển cả văn học dân tộc và nhân loại. Mỗi người cầm bút sáng tạo ở Đắk Lắk giống như một mạch nước góp phần cho dòng chảy thêm lớn mạnh. Mạch nước nào cũng nặng tình nghĩa với đất, luôn có cảm giác nặng nợ với đất và người nơi đây cho nên người nghệ sĩ Đắk Lắk không ngừng nâng cao tay nghề, thật sự tâm huyết để vươn lên đóng góp được nhiều hơn nữa vào văn học tỉnh nhà cũng như văn học cả nước.



1. Nêu những đặc điểm cơ bản về bối cảnh lịch sử Đắk Lắk giai đoạn từ 1975 đến nay.

2. Văn học viết Đắk Lắk giai đoạn từ 1975 đến nay có những đặc điểm nổi bật nào về đội ngũ sáng tác và nội dung tư tưởng?

II. THỂ LOẠI TIÊU BIỂU

1. Thơ ca

Nhìn chung, văn học Đắk Lắk giai đoạn từ 1975 đến nay có lực lượng sáng tác thơ ca khá đông đảo. Nhiều nhà thơ đã trở thành quen thuộc đối với độc giả với nhiều phong cách khác nhau như: Hữu Chinh, Hoàng Chuyên, Ưng Ngọc Dậu, Vũ Di, Trúc Hoài, Dương Thế Hoàn, Vũ Nhật Hồng, Hoàng Thiên Nga, Lê Vĩnh Tài, Chính Tâm, Nguyễn Thị Thái, Văn Thanh, Tiến Thảo, Đinh Thị Như Thúy, Sơn Thúy, Lệ Thủy, Hoàng Mạnh Thường, Đặng Bá Tiến, Đinh Hữu Trường, Hương Vũ, Bùi Minh Vũ, Văn Thành, H Trem Knul,...

Các tác giả đã góp những vần thơ ám áp tình đất, tình đời làm nên “gương mặt cao nguyên” đa thanh đa điệu, đa sắc màu văn hoá của mọi vùng miền Tổ quốc và cũng đa dạng cách cảm cách nghĩ đối với Đắk Lắk – vùng đất chiến lược về quốc phòng, giàu tiềm năng về kinh tế, có cuộc sống mới sinh sôi nảy nở và phát triển từng ngày từng giờ. Đắk Lắk đã trở thành vùng đất của thi ca không chỉ đối với những con người đang sống và làm việc ở Đắk Lắk mà cả những người bạn đến với Đắk Lắk và những người chưa một lần đặt chân đến nơi đây.

Hầu như những nhà thơ ở Đắk Lắk đều đã chọn mảnh đất này là quê hương thứ hai của mình, chính vì thế trên thi đàn thơ ca Đắk Lắk, ta dễ bắt gặp rất nhiều cách cảm, cách nghĩ của các vùng miền Bắc – Trung – Nam và các thành phần dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam hoà với nắng gió Tây Nguyên, với màu đất bazan, với hương vị rượu cần,... góp phần làm giàu bản sắc văn hoá của một vùng đất.

Ngoài sự kế thừa bản sắc văn hoá vùng miền của nơi chôn nhau cắt rốn, các nhà thơ còn có sự kế thừa của vùng đất sử thi hoang sơ và dữ dội, có sự phát huy để viết tiếp về một vùng đất có lịch sử hào hùng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cũng như công cuộc xây dựng cuộc sống mới hôm nay, có sự tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhiều vùng miền, nhiều dân tộc, nhiều xứ sở theo con người tìm về vùng đất lành chim đậu,... Tuy nhiên, mỗi “con người thơ” ở Đắk Lắk có tâm hồn riêng, cá tính sáng tạo riêng, có nhãn quan về cuộc sống để phản ánh vào trong thơ bằng phong cách riêng. Bởi vậy, diện mạo thơ Đắk Lắk trong cái chung của thơ từ một vùng đất vẫn khiến ta nhận thấy cá tính sáng tạo riêng của mỗi thi nhân. Mỗi người là một tâm hồn thơ, tạo nên những vẻ đẹp riêng của thơ, làm cho thơ Đắk Lắk phong phú và đa dạng, muôn màu muôn vẻ.

2. Văn xuôi

Nếu thơ có đội ngũ đông đảo về số lượng tác giả thì ở văn xuôi lại có số lượng khá khiêm tốn. Tuy văn xuôi mỏng hơn so với thơ về cả số lượng và chất lượng nhưng cũng đã phần nào xây dựng được bức tranh sinh động về đời sống. Đó là những trang viết về một thời hào hùng đấu tranh giải phóng quê hương, thống nhất đất nước, những gian nan thử thách trong buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở vùng đất mới hồi sinh, những trở trờ trước cuộc sống còn bẽ bộn lo toan, những vết thương chiến tranh còn gây nhức nhối,...

Nhiều tác giả truyện và ký của Đắk Lắk thường được nhắc đến như: Hồng Chiến, Hữu Chính, Trương Công Đản, Trúc Hoài, Ngô Văn Hưng, Nguyễn Hương, Thiên Lương, Niê Thanh Mai, H'Linh Niê (Linh Nga Niê Ndam),... Bên cạnh đó, còn có những tác giả ở Đắk Lắk chuyên sáng tác thơ nhưng cũng có lúc sáng tác văn xuôi như Uông Ngọc Dậu, Lê Tiến Dị, Hoàng Mạnh Trang, Nguyễn Lưu, Đồng Xuân Lan, Mai Thanh Chương, Hoàng Thiên Nga, Đinh Thị Như Thúy,... Đó là những tên tuổi đã góp phần nâng cao về chất tác phẩm, tiếp thêm sức cho dòng văn xuôi Đắk Lắk chảy mạnh hơn, nhiều phù sa hơn.



1. *Thơ ca giai đoạn từ 1975 đến nay có đặc điểm lớn nào về nội dung tư tưởng?*

2. *Văn xuôi giai đoạn này có những đặc điểm nổi bật nào? Kể tên một vài tác giả, tác phẩm mà em biết.*

3. *Sưu tầm một số tác phẩm (thơ, truyện) của văn học viết Đắk Lắk giai đoạn từ 1975 đến nay mà bản thân tâm đắc, ấn tượng.*

4. *Viết bài văn giới thiệu về một tác phẩm thơ hoặc truyện và ký của văn học viết Đắk Lắk giai đoạn từ 1975 đến nay.*

III. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

VĂN BẢN 1

VẾT BÙN TRONG KẼ MÓNG CHÂN MẸ TÔI

Kính dâng hương hồn Mẹ

– Đặng Bá Tiến –

Tôi cắt móng tay móng chân cho Mẹ
trước khi tiễn Người về với Tổ tiên
tôi thấy vết bùn đồng chiêm
ăn sâu vào kẽ móng
ôi cái vết bùn làm sao xoá nổi
để Người được thanh thản gót tiên!

Bà tôi kể:
năm ấy đồng Biên
nước mênh mông trắng rợn
bụng vượt mặt Mẹ còn đi cấy mướn
khi chuyển sinh chúng bạn mới diu về
chỉ kịp trườn lên chiếc chõng tre
rồi vỡ ối sinh tôi
hai chân Mẹ vẫn dính đầy bùn đất...

Cha tôi đi đánh giặc
đôi vai gầy Mẹ tôi gánh số phận cả nhà
năm cái miệng há chờ bàn tay Mẹ
bàn tay không hề phút giây được nghỉ
cả lúc đi nằm còn phải giữ trán suy tư

Năm hai vụ chiêm mùa
cây lúa lên từ bàn tay Mẹ
cây lúa lên theo dấu chân Người nứt nẻ
tiết hanh heo gió xiêu dạt dáng cò
Ai hài gấm, giày thêu quần áo lượt là
Mẹ tôi suốt ngày chân dầm trong bùn đất

khi cày cấy khi mò cua bắt ốc
áo váy phong phanh mấy lớp vá chằm

Bao ngọn gió vui, buồn đã thổi qua mặt đồng chiêm
mà dáng Mẹ tôi trên đồng vẫn thế
mặt úp vào mặt ruộng
Mẹ chỉ ngẩng lên khi nhìn xuống con mình!

Chúng tôi lớn khôn
đất nước gọi lên đường
nào đã kịp làm gì giúp Mẹ
chỉ làm Mẹ thêm phần gian khổ
bao đêm nằm không ngủ nhớ con xa

Bưng bát cơm thơm chúng tôi lại thương Mẹ ở quê nhà
trong bát cơm này có hạt cơm đồng chiêm của Mẹ
Mẹ đã già mà hạt thóc về tay người chẳng dễ
Phải giành giật với nắng mưa
với bao thứ chuột rầy

Chúng tôi trở về sau cuộc chiến tranh
lại bươn bả với những công trình mùa vụ
Mẹ bảy mươi rồi biết bao vất vả
công ơn Mẹ chúng tôi chưa kịp đáp đền
nhưng phút lâm chung Mẹ gọi tên từng đứa
Mẹ dặn: đừng bao giờ phụ bạc cánh đồng chiêm!

Ôi cái vết bùn trong kẽ móng chân
tôi không muốn Mẹ phải mang theo về nơi tiên tổ
nhưng tôi biết xoá đi không dễ
vết bùn già hơn tuổi Mẹ tôi!

1988

(Trích Đặng Bá Tiến, *thơ chọn*, NXB Hội Nhà văn, 2022, tr.131-133)

1. Bài thơ *Vết bùn trong kẽ móng chân Mẹ tôi* được viết theo thể thơ nào? Thể thơ này có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cảm xúc của chủ thể trữ tình?
2. Mạch vận động của cảm xúc được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Qua đó, em hãy xác định bố cục của văn bản.
3. Hình ảnh Mẹ tôi hiện lên qua những mốc thời gian nào trong cuộc đời của nhân vật trữ tình? Các mốc thời gian được sắp xếp theo trình tự nào? Ý nghĩa của trình tự này là gì?
4. Hình ảnh “Vết bùn” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh này?
5. Bài thơ sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hãy phân tích một biện pháp tu từ tiêu biểu.
6. Từ nội dung bài thơ và những trải nghiệm của bản thân, hãy lí giải vì sao tình mẫu tử là một trong những tình cảm thiêng liêng trong cuộc đời của con người?
7. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu cảm nhận về một câu thơ/ý thơ bản thân tâm đắc.
8. Bài thơ *Vết bùn trong kẽ móng chân Mẹ tôi* đưa đến cho em thông điệp gì?

VĂN BẢN 2

HOA BLANG

(Viết tiếp chuyện tình chàng Đăm Săn)

– H'Linh Niê –

Đăm Săn bỏ mặc khách cầu hôn ngồi chật nhà cho chị em H'Âng, H'Lí tiếp. Chàng cuốn gọn mớ tóc dài trong chiếc khăn bịt đầu đỏ chói của tù trưởng, gỡ chiếc xagac treo trên vách, nhảy qua cửa sổ buông mình xuống giữa lưng ngựa, phóng đi không hề ngoảnh lại.

Bước chân ngựa vẫn như hàng ngày nhanh hơn cơn gió. Thân hình Đăm Săn vẫn dẻo như nồn mây. Nhưng dường như hôm nay tai chàng không nghe được tiếng động nào, ngoài tiếng nói cứ nhắc đi nhắc lại trong đầu:

– Phải đến ngay nhà H'Bia Diết Klút⁽¹⁾.

Tiếng con chim tao vao vát vèo trên cột gỗ ở cổng đầu buôn, chao chác gọi bạn tình chẳng lọt lỗ tai chàng. Cơn gió ù ào luồn qua rừng khộp, đùa giỡn tung những chiếc lá đỏ tươi tả bay đầy trời, không khiến mắt Đăm Săn chú ý. Thúc ngựa lội ào qua suối, nước ngập tới ức ngựa, ướt cả đuôi khố, chàng không hay.

⁽¹⁾ H'Bia Diết Klút: là một nữ tù trưởng, người yêu của Đăm Săn, mà theo luật tục, chàng buộc phải bỏ để cưới hai nàng H'Nhí & H'Bhí (Theo sử thi *Đăm Săn*).

– Không! Không Không thể lấy H'Nhí, H'Bhí làm vợ. Dù cho hai nàng có đẹp, có giàu. Ta đã thuộc về H'Bia Diết Klút.

Tiếng lách cách của khung dệt báo Đăm Săn biết người yêu đang dệt vải. Vịn tay đầu sàn, chàng ghé nhìn qua khung cửa. H'Bia bên cửa sổ vẫn đang vừa luồn chỉ vừa hát *Dệt tấm khố em mong anh về/ Trao tấm áo để đón anh về/ Mẹ bảo em rằng anh sẽ về/ Mai một anh về như chim có bầy*⁽¹⁾.

Nàng dệt đã sắp xong tấm khố để tặng chàng. Bên cạnh lại còn bày cả tấm chăn apăn lẫn chiếc áo tù trưởng knuky có hàng nút vàng và hàng dây đồ rục như chim mlang đang giang cánh trước ngực, đã dệt xong. Nhìn những trang phục đó, nàng giục mình phải xe chỉ, luồn sợi nhanh tay hơn nữa, bởi đó chính là một phần những lễ vật nàng sẽ đem sang nhà để cưới chàng về làm chồng.

Đăm Săn nắm lấy đôi bầu vú gỗ nơi đầu thang, đu thẳng người lên sàn. Bước nhảy mạnh mẽ của chàng dựng sấm khiến cả căn nhà sàn dài rung rinh. H'Bia dừng tay dệt ngó ra cửa, nói dối:

– Đăm Săn! Mấy lần con gà lên ổ rồi em không thấy chàng. Hay Đăm Săn để con điều mỗ, con quạ tha em đi rồi mới tới đây chăng?

– H'Bia ơi! Em mắng anh sao như nước sôi trên lửa vậy? Mai này cơm ai người đó ăn, rượu ai người đó uống. Em có còn được chờ, được mắng anh nữa không đây?

– Sao vậy Đăm Săn?

Bước tới sau lưng người yêu, Đăm Săn cởi hộ nàng sợi dây buộc khung dệt, vén mớ tóc dài xoắn đầy trên sàn, đỡ H' Bia đứng dậy:

– Cột một ché rượu hai người uống đủ đi em. Ta uống với nhau một lần cho say, quên cả đường về, quên cả những gì đang chờ ở nhà anh kia nữa nhé.

Cảm thấy có điều gì xảy ra, H'Bia lặng lẽ bới gọn mớ tóc rồi đi tới góc nhà phía Đông nơi mẹ ủ rượu, chọn lấy một ché ngon. Đăm Săn với tay lên xà nhà, lấy cây cột gong chống xuống sàn, chàng phụ H'Bia bưng tới, cột ché rượu cho chắc. Trong lúc H'Bia lui cui múc nước và soi lại cho thông cái cần hút, Đăm Săn nhanh chóng đem về một ôm lá chuối khô, xoay tròn ấn vào ché. Họ lặng thinh làm, không nói gì với nhau, cũng không gọi tên nhau.

Hai người ngồi bên nhau, tay cùng đặt lên cần rượu, chân đạp lên chân, mắt nhìn trong mắt. Nếu có hai chiếc cần, thầy cúng, cái rìu và đôi vòng đồng nữa, thì đã thành lễ cưới của họ rồi. Mặt ché đầy nước sóng sánh như ánh mắt H' Bia đắm đuối nhìn người yêu. Đăm Săn dịu dàng nâng cần rượu đặt lên môi nàng:

– Uống đi H'Bia. Cho Đăm Săn được tiếp em uống rượu lần sau chót. Rượu có đắng ta cũng coi là rượu ngọt mà uống cùng nhau.

Đôi mắt H'Bia mở to, lóng lánh như cặp mắt con mang nhỏ Đăm Săn bấy được mà không nở giết, lại chữa vết thương rồi giữ cho nó quen đùa với hai người mỗi lần đi thăm rẫy.

⁽¹⁾ Dân ca Ê Đê..

– Có việc gì Đăm Săn? Chị em nhà anh không cho hai đứa mình thương nhau sao?

– Không phải đâu H'Bia. Chỉ là H'Nhí và H'Bhí cho các anh trai đem lời ông nội đến nhà. Đã đến lúc theo luật tục nối dây, anh phải về nhà hai nàng đó làm người đổi trâu bò lấy chĩnh ché, lấy voi. Ngồi trên chiếu hoa làm sang cho nhà họ.

– Còn em sao Đăm Săn?

– Ờ, H'Bia khi nào cũng ở trong đầu, trong mắt, trong ngực Đăm Săn đây nè. Nhưng bao đời nay, em có thấy ai cãi lời luật tục không? Việc này đã được ông Y Kla của anh dặn dò từ khi ông còn phải cõng H'Bhí trên lưng, bế Đăm Săn bên vế trái, ôm H'Nhí một bên vế phải, cách nay mười lăm mùa rẫy rồi đó em.

– H'Bia không chịu đâu Đăm Săn. Mình thương nhau đã hai lần hoa tặng bi gửi hương cho gió rồi. Nhà em cũng danh giá, giàu sang đâu có kém gì H'Nhí, H'Bhí? Dòng họ Êban cũng được quyền cưới họ Niê Kdăm chứ.

– Nhưng còn sợi dây nối nòi, làm sao dứt đứt được?

H'Bia tựa đầu lên vai Đăm Săn. Mái tóc dài thơm ngát của nàng xoắn tung, quấn quýt lên cổ, lên vai, lên tấm lưng trần của chàng Đăm Săn. Họ khép mắt im lặng ngồi bên nhau... H'Bia đi trước trên con đường rừng vắng, hai bên dày đặc những bông hoa mnga phí⁽¹⁾ – dã quỳ vàng óng giữa đám lá xanh mượt. Đôi gót chân đỏ như bôi đất non của nàng bước tung tăng trong tiếng đing năm diu dặt. Tiếng kèn như nâng bước chân và tiếng hát H' Bia *Lược ngà anh dất mái tóc xoắn/ Để em mơ đêm thương ngày nhớ/ Chiếu chiếu em một bên mốc dờ/ Bởi không có người nằm kề bên/ Ở anh...*⁽²⁾

Đăm Săn cũng say trong nhịp điệu của câu hát Arei. Người chàng lắc lư, đôi chân và cả thân mình nhấc lên, nhún xuống, tua khổ tung bay. Những con chim kotia mỏ đỏ, chim nhông mỏ vàng kéo hàng đàn ríu rít sà xuống theo hai người. Góc rừng anh công kiêu hãnh xoè hết chiếc đuôi lông lánh những hình mặt trời xanh, khoe mẽ với nàng công đang yểu điệu rón rén từng bước. Tiếng suối róc rách ngân nga đâu đây trong bài ca bất tận của núi rừng và tình yêu. Từng chùm hoa xoài trắng đung đưa trong nắng... Đăm Săn ngửa mặt gọi thần mặt trời:

– Ông ơi, thả cho cháu cái thang.

Chiếc thang vàng óng kéo lên. Ông Gổn cười ha hả hỏi Đăm Săn:

– Hai vợ cháu đang đi đón đó, sao chưa về đi. Từ nay đừng làm con mang, con hoẵng lang thang trong rừng nữa nghe. Phải làm cây cột cái trong nhà chớ.

– Nhưng cháu thương H' Bia Điết Klút ông à. Nàng cũng ưng cưới cháu nữa. Chúng cháu muốn ăn cơm một mâm, ngủ chung một chiếu, hút cùng một ống điếu. Sao bắt cháu nối dây với H'Nhí, H'Bhí? Cháu đâu có ưng hai nàng đó.

⁽¹⁾ Hoa dã quỳ.
⁽²⁾ Dân ca Ê Đê.

– Sợi dây ràng buộc dòng họ Niê với Miô đã có từ ngàn xưa ông bà rồi. Bà H'Klu chết, họ Miô phải đem H'Nhí cho ông Y Kla. Bây giờ đến lượt cháu phải thay ông nội làm chồng H'Nhí, H'Bhí. Niê với Miô kết đôi, của cải mãi mãi sinh sôi, buôn làng đời đời no ấm. Đăm Săn ưng làm tù trưởng hay làm tôi tớ giữ bò, giữ ngựa cho H'Nhí?

– Có đúng cháu lấy hai nàng đó sẽ thành tù trưởng hùng mạnh, giàu có nhất vùng không?

– Ông Gõn sao nói sai lời với cháu?

Hai người mở bừng mắt. Họ vẫn ngồi bên nhau mà thiếp đi, mỗi người một giấc mơ. Chiếc cần rượu bị bỏ quên không ai uống, chầy tong tong xuống sàn, loang ướt cả vạt gỗ.

Đăm Săn quấn mái tóc thơm của H'Bia quanh cổ như tấm khăn. Hai tay chàng nâng khuôn mặt người yêu. H'Bia nhắm mắt, dòng lệ trong veo lăn trên đôi má mịn màng. Đăm Săn ghé môi nhấp cạn giọt lệ của người thương. Mắt chàng không rời khuôn mặt nàng, cổ khắc ghi những nét yêu thương mai này không còn được ngó thấy... Nàng hàng mi dài, H'Bia ưng ghé sát má chàng rồi chớm chớp, thích thú thấy chàng bị nhột. Cặp môi xinh, hàng răng trắng đều như bắp nếp, không còn được gửi cho chàng những nụ cười hoa nở nữa. Khấp bao bên nước, không có cô gái nào có suối tóc dài thơm ngát như H'Bia. Hương tóc ngọt ngào này chàng sẽ không bao giờ được úp mặt vào hít thở. Không còn nữa lời đĩnh năm buổi sáng, câu hát với đàn goong những đêm trăng xanh. Im lặng úp mặt trong tóc, họ ôm riết lấy nhau, bện trong nhau như con trăn quấn mồi, như đôi sam bơi trong biển. Nhà sàn rung rinh, bay, bay, bồng bênh trôi trong gió, mỗi lúc mỗi dào dạt. Đoá hoa mây khổng lồ trắng muốt, sà xuống phủ kín căn nhà, bao bọc, ấp ủ, chở che. Đất trời, rừng suối, chòng chành trên con thuyền căng buồm lướt sóng...

Đăm Săn cuốn lại tóc cho H'Bia, thủ thỉ:

– Lúc nào nghe ching trống thì đến nhà anh nhé.

Đôi tay họ xoắn lại, nín lấy nhau không muốn rời ra. Đăm Săn đi lui tới tận đầu thang nhà sàn. H'Bia thồn thức tựa cửa nhìn ngựa của chàng mỗi lúc mỗi xa. Có gì sáng lên trong đầu, nàng quay lại thét gọi tôi tớ:

– Các con! Chuẩn bị lễ vật! Lấy váy áo đẹp cho ta. Đóng bánh voi, đi tới nhà Đăm Săn ngay.

Nàng ướm lên người chiếc váy đen lánh như cánh bướm đêm. Thấy chưa ưng lại thử tấm váy vàng rực như tia nắng mặt trời. Cuối cùng nàng lựa chiếc váy sáng nhóng nhánh như ánh trăng xanh, mặc với chiếc áo ngắn thêu hoa và chim rực rỡ. Từ hai bông hoa đỏ trên vai, thả xuống những sợi chỉ tím dài, khiến mỗi bước nàng đi thêm mềm mại. Một góc vạt váy buông lơ lửng bên hông, càng tăng cho nàng vẻ duyên dáng. Tôi tớ đã kịp chuẩn bị xong lễ vật, voi đã đóng bánh phủ tấm mền thổ cẩm đỏ đen rực rỡ, ghé lại bên sàn. H'Bia ra lệnh nài thẳng hướng nhà Đăm Săn giục bước chân voi.

Con đường trôi giữa hai bờ cỏ lau khô lút đầu. Mỗi lần làn gió xào xạc chạy qua, cỏ lau dịu dàng nhường nhịn nằm rạp xuống, rồi lại kiêu hãnh ngóc dậy. H' Bia quyết đến giành lại người yêu trong tay H' Nhí và H' Bhí, cho dù có phải chống lại luật tục muôn đời.

Đăm Săn bước lên cầu thang nhà sàn phía sau, kịp nghe tiếng Y Đ'inh, anh của H' Nhí lớn giọng:

– Anh Đăm Săn đâu. Tôi muốn hỏi một lời thôi: gia đình ta có còn nhớ luật lệ ông bà, có nhớ lời dặn của ông nội Y Kla không?

Chàng chậm rãi bước tới, khoanh chân ngồi trên chiếc đệm tù trưởng phủ vải thổ cẩm ngay giữa nhà, xếp lại mép khó cho ngay ngắn. Đôi tay đặt trên đùi, đầu ngước cao. Đuôi chiếc khăn buộc đầu cũng ngẩng lên thách thức. Mọi người chột im bật. Chưa ai kịp nói lời nào thì một đàn voi xích tới bên sàn. H' Nhí, H' Bhí yểu điệu bước xuống dưới bàn tay dìu đỡ của anh Y Linh. Chị H' Áng tíu tít chạy ra đón khách. Chưa kịp mở lời mời ngồi, lại một đàn voi khác rầm rập quỳ gối ghé hiên nhà, H' Bia mạnh mẽ bước xuống, khoanh tay đứng chờ nơi đầu sàn. H' Lí lật đật thay chị chạy ra ríu rít mời mọc:

– Mừng chị H' Bia tới chơi. Nhà chúng tôi bữa nay được đón toàn khách giàu khách quý. Các chị có tới nhằm nhà không đấy?

– Không nhằm đâu! Tôi tới hỏi anh Đăm Săn về làm chồng đây. Các con! Bưng đồ lễ lên.

Tiếng H' Bia lạnh lạnh. Mọi người chưa kịp ngồi ấm chỗ đã nhấp nhồm đứng dậy. Đăm Săn lặng người đăm đăm nhìn H' Bia. Nàng đã công khai gây chiến rồi. Bụng chàng bên thương bên lo. Thương nàng dám một mình đương đầu với dòng họ Mlô danh giá, đưa ngay lễ cưới xin đón chàng, chứ không phải lễ hỏi. Nửa lo H' Bia làm sao bề gãy được luật tục và miệng lưỡi của cả cộng đồng.

Đoàn tôi tớ nhà H' Bia đứng chật đầu sàn. Nàng thủng thẳng bước đi trước mắt mọi người. Vẻ đẹp rực rỡ và ánh mắt cương quyết của H' Bia khiến những kẻ rắp tâm muốn làm trò xấu cũng phải rẽ qua, kính nể nhường bước. Nàng ý tứ đứng lui sang phần đình ok dành cho phái nữ, khẽ gật đầu. Tên nô lệ đi đầu quỳ xuống dâng lên cho chị H' Áng chiếc mâm đồng đựng đủ bảy món lễ vật: tám mền, chiếc áo, khó, túi đeo, bát đồng và hai chiếc vòng. Sáu nô lệ tiếp theo theo đặt xuống ba chiếc ché tuk cao ngang ngực người rồi cúi đầu lui ra. Hai người khác khiêng một bộ ching Lao đặt xuống. Chắc chắn trâu bò heo còn đứng chật cả ngoài sân.

Y Đ'inh nãy giờ ngồi trầm ngâm, bỗng thẳng lưng lên, nghiêm giọng hỏi H' Bia:

– H' Bia Điết Klút! Con gái tù trưởng sao không theo đúng lệ của ông bà? Đi hỏi chồng sao không có cậu dăm dei, lại chưa nộp lễ hỏi đã trao lễ vật xin cưới?

– Ta không cần dẫm dei. Nữ tù trưởng được quyền tự ý bắt chồng. Nhà ta bên đó với chị em Đăm Săn bên này đều đã biết hai ta ưng nhau đàng mặt, thương nhau đàng lòng. Đó là xong lễ hỏi, nay ta xin rước chàng là đúng chớ. Y Đ’Hinh không bẻ được lí phải của ta như bẻ trái bắp đâu.

Y Đ’Hinh gập gẫy cành củi đang cầm trên tay kêu cái rắc, cao giọng hơn:

– H’Bia có biết Đăm Săn được nối dây cho H’Nhí, H’Bhí từ mười lăm mùa rẫy trước rồi không?

– Ta biết! Nhưng luật tục đâu có ép nếu chàng không ưng. Đăm Săn thương cái đẹp của ta, mến cái tình của ta. Luật tục có cấm Ê Ban với Niê Kdăm kết đôi không?

Y Đ’Hinh vươn thẳng người lên dõng dạc:

– Không nói nhiều! Tôi chỉ hỏi chị H’Âng và anh Đăm Săn: dòng họ Niê Kdăm có còn giữ lễ lối luật tục Radeh không? Có chịu kết đôi cùng em gái chúng tôi theo như lời ông nội Y Kla đã dặn không?

Trời đất bỗng dưng tối sầm, ngả nghiêng, sấm sét ầm ầm nổi lên từ bốn phía. Gió cuốn đất đá, cỏ cây bay mù mịt. Voi ngựa, trâu bò, heo ngoài sân gầm rống. Lũ con nít thét lên túm lấy váy mẹ. Tiếng ông Y Kla oang oang át cả tiếng sấm rền:

– Nếu Đăm Săn và H’Nhí, H’Bhí lấy nhau, họ sẽ thành tù trưởng hùng mạnh, giàu có nhất vùng. Ai làm ngược lại sẽ phải chịu thành nô lệ giữ trâu bò, giữ ngựa cho người kia. Ô hô... ô hô...

Yang sét thu búa về. Yang gió đẩy mây bay đi, trời lại xanh bao la, yên tĩnh. H’Âng nhìn Đăm Săn. H’Nhí, H’Bhí nhìn Đăm Săn. Mọi người cùng nhìn Đăm Săn. Như không có H’Nhí, H’Bhí, như không còn có ai tồn tại, chỉ có ánh mắt Đăm Săn và H’Bia lặn trong nhau, gài vô nhau đau đớn. Đôi tay khoẻ mạnh của Đăm Săn nhắc lên như muốn đưa ra nịu lấy, nhưng rồi lại nặng nề rơi xuống đùi. Thân hình xinh đẹp của H’Bia thẳng căng đổ về phía trước như muốn lao tới với Đăm Săn. Nhưng nàng vẫn bất động. Dường như sức nặng của luật tục ngàn đời đang đè lên hàng trăm con người trong căn nhà sàn dài mệnh mông này.

H’Âng khe khẽ nén tiếng thở dài vô trong lồng ngực, từ từ đứng thẳng người dậy:

– Con cháu dòng họ Niê chưa bao giờ làm trái lời luật lệ ông bà. Chúng tôi thuận cho Đăm Săn về làm chồng H’Nhí, H’Bhí.

Tất, tất, tất... ching mừng vang lên mỗi lúc một dồn dập. Char⁽¹⁾ ơi! Đem nỗi đau này của Đăm Săn tới tận vực Srêpôk sâu thẳm, cho cả bầy cá sấu ở dưới đáy sông Krông Nô kia thôi hững hờ, nổi lên đây cùng chia sẻ. Liang ơi, hãy đem tình yêu của H’Bia rải khắp chín tầng trời, bảy tầng đất. Cho những con chim có đôi, con người có bạn, cả những nàng tiên thanh thần suốt đời trên bầu trời bao la kia, cảm nỗi đớn đau của tình yêu bị cắt rời...

⁽¹⁾ Char: tên các ching trong dàn.

H'Nhí, H'Bhí và Đăm Săn đã ngồi trên những chiếc bành có lọng che, bày voi đã hươ vùi từ biệt và cất bước. Ngựa của anh em Y Đ'Hình, Y Linh đã phóng nhanh như bay đi trước báo tin. Đăm Săn ngoái lại nhìn H'Bia đơn độc đứng chênh vênh nơi mép sàn, dõi theo bước chân voi. Chàng càng đi xa, hình dáng nàng càng lớn lên, cao lên, tạc sâu vào nền trời xanh như ngọc. Rồi tất cả nhoà đi, chỉ còn một thân cây cao lớn sừng sững vươn những cánh tay dài lên bầu trời thăm thẳm cao, xa vời vợi. Những người đàn bà gọi đó là cây blang. Cây blang có hoa đỏ mùa hè, kết thành bông trắng mùa đông. Cánh đỏ như máu của hoa chính là từng mảnh trái tim đầy yêu thương đã tan nát của nàng H'Bia. Gió đông tách những chùm bông trắng xoá, mang theo tình yêu của H'Bia theo Đăm Săn tới tận cuối đất cùng trời. Các cô gái Radeh nhặt bông ấy xe chỉ, nhuộm nước lá rừng, dệt những tấm chăn, đắp ấm mọi lứa đôi yêu nhau.

1. Tóm tắt các sự kiện chính của văn bản.
2. Xác định mối liên hệ giữa sử thi *Đăm Săn* và truyện *Hoa Blang* (Linh Nga).
3. Các nhân vật trong câu chuyện được đặt trong tình huống nào? Cách xây dựng tình huống của tác giả nhằm dụng ý gì?
4. Liệt kê những chi tiết miêu tả nhân vật Đăm Săn và H'Bia. Những chi tiết ấy cho em cảm nhận như thế nào về nhân vật?
5. Đăm Săn và H'Bia đã có hành động gì để bảo vệ tình cảm của mình?
6. Em có đồng ý với kết thúc của truyện không? Vì sao? Em hãy viết một kết thúc khác cho câu chuyện này.



LUYỆN TẬP

1. Em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của mình về những nét đặc sắc của chủ đề và hình thức nghệ thuật của văn bản *Vết bùn trong kẽ móng chân Mẹ tôi* (Đặng Bá Tiến).
2. Em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của mình về những nét đặc sắc của chủ đề và hình thức nghệ thuật của văn bản *Hoa Blang* (Linh Nga).



VẬN DỤNG

1. Em có suy nghĩ như thế nào về tình mẫu tử trong xã hội hiện đại.
2. Câu chuyện *Hoa Blang* (Linh Nga) đặt ta vấn đề tình yêu và hôn nhân theo luật tục. Em có suy nghĩ như thế nào đối với vấn đề này trong xã hội ngày nay.

IV. ĐỌC MỞ RỘNG

1. Lí luận, phê bình văn học

Tạp chí *Chư Yang Sin* thường xuyên có chuyên mục này để đảm bảo một trong những tiêu chí “Sáng tác – giới thiệu – nghiên cứu – phê bình văn học, nghệ thuật”, nhưng trên thực tế, các bài đăng trong tạp chí đa số là nghiên cứu và giới thiệu văn hoá dân gian, những bài khác đã dừng lại ở mức độ cảm nhận, bình giá tác phẩm để bạn đọc cũng thấy cái hay các đẹp của nó hoặc bổ sung thêm kiến thức trong việc cảm thụ những tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông.

Về phê bình văn học ở Đắk Lắk, thông qua diễn đàn văn học nghệ thuật là Tạp chí *Chư Yang Sin* có thể kể đến một số tác giả như: Hữu Chinh, Văn Thành, Bùi Minh Vũ. Một vài năm trở lại đây trên diễn đàn văn học – nghệ thuật xuất hiện thêm một số cây bút phê bình văn học không chuyên như: Phạm Minh Trị, Lê Vĩnh Tài, Phạm Bá Hoa, Ngọc Hà, Hoàng Nam, Lê Thanh Văn, Trương Nhất Vương,... Tuy nhiên, phê bình văn học ở Đắk Lắk chưa có bề dày, chưa tạo được tiếng vang.

2. Văn thơ thiếu nhi

Tuy là tỉnh miền núi, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng Đắk Lắk rất quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ để kế tục sự nghiệp sáng tác văn thơ. Ngay từ khi thành lập Hội, công tác mở Trại bồi dưỡng sáng tác văn học cho các em còn đang độ tuổi ngồi trên ghế nhà trường phổ thông đã được quan tâm.

Kể từ năm 1992, vào các dịp hè, Hội Văn học Nghệ thuật thường xuyên và liên tục phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc bà mẹ – trẻ em, Tỉnh Đoàn, Nhà văn hoá Thanh Thiếu nhi Đắk Lắk mở Trại sáng tác Hạ Xanh để phát hiện và bồi dưỡng năng lực sáng tác văn thơ cho thanh thiếu niên các dân tộc trong tỉnh Đắk Lắk.

Cũng từ 1995, hằng năm Hội hỗ trợ Phòng Văn hoá – Thông tin huyện Cư M'gar mở Trại sáng tác Núi Hoa cho thiếu nhi trong địa bàn huyện. Sau mỗi trại sáng tác, Hội tổ chức tuyển chọn để in tác phẩm cho các em thành tập sách. Ngoài ra, Tạp chí *Chư Yang Sin* của Hội mở chuyên mục “*Sáng tác trẻ*” để đăng những bài viết có chất lượng. Điều này làm cho các em tự tin hơn trên bước đường sáng tác văn chương. Bạn đọc có thể tìm đọc sáng tác của các em qua các tập: *Bên hàng phượng vĩ*, *Mầm non Cao Nguyên*, các tập *Hạ Xanh* (được đánh theo số thứ tự hằng năm, từ năm 1994 đến nay), *Lu Ngơ*, *Gửi nặng trên lưng*, *Hương rừng*, *Núi Hoa*.

3. Báo chí

Hội Nhà báo tỉnh là tổ chức chính trị – xã hội – nghề nghiệp, hoạt động tự nguyện của những người làm báo, theo Điều lệ Hội Nhà báo Việt Nam và tuân thủ quy định của Luật Báo chí, đặt dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Mỗi nhà báo đều xác định là chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, văn hoá, là cầu nối chủ trương chính sách của Đảng đến với từng cộng đồng dân cư cũng như đến với mọi người.

Thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng là vận động, thuyết phục, giáo dục, tăng cường các đội công tác về cơ sở kết hợp với vũ trang khi cần thiết, dần dần

kinh tế phát triển, bộ mặt buôn làng đổi mới, ổn định về chính trị, quốc phòng an ninh vững chắc. Báo chí Đăk Lăk đã góp phần vào sự nghiệp cách mạng của tỉnh.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đến nay, báo chí càng khởi sắc vì điều kiện kinh tế phát triển, áp dụng thành tựu của khoa học công nghệ, đội ngũ phóng viên được đào tạo cơ bản, sử dụng thành thạo vi tính, biết ngoại ngữ, tính dân chủ, công khai của báo chí được đề cao nên phong phú về lượng, nâng cao về chất, hoạt động của báo chí ngày càng được mở rộng, củng cố góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Ngày 17/6/1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đăk Lăk chỉ định Ban Thư ký lâm thời (nay là Ban chấp hành) để chuẩn bị cho đại hội, ông Nguyễn Văn Nhị được cử làm Thư ký.

Đại hội lần thứ nhất diễn ra vào tháng 8/1988, có 59 hội viên thuộc 3 chi hội, Ban thư ký có 7 người. Tháng 6/2023, Chi hội Nhà báo Báo Đăk Lăk đã tổ chức Đại hội lần thứ VI, nhiệm kỳ 2023 – 2025 với 42 hội viên tham gia. Đại hội đã bầu Ban Thư ký Chi hội Báo Đăk Lăk khoá VI gồm 3 người.

Từ khi Luật Báo chí ra đời, hoạt động báo chí của tỉnh càng thuận lợi. Các cơ quan chủ quản của báo chí tạo điều kiện, phương tiện hoạt động tốt hơn, người làm báo được đào tạo bài bản hoặc tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn. Báo chí thể hiện vai trò cung cấp thông tin về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phản ánh tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, giúp cấp uỷ, chính quyền, các ban ngành nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời nhiều vấn đề đặt ra trong đời sống xã hội. Không những báo chí trong tỉnh mà cả báo chí Trung ương qua các phóng viên thường trú tại Đăk Lăk đã kịp thời biểu dương những gương người tốt, việc tốt, nhất là từ khi Đảng ta tổ chức Cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật và báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, nhiều điển hình tiên tiến trong quần chúng nhân dân được báo chí phát hiện, tuyên truyền nêu gương. Hàng tháng, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Hội Nhà báo tỉnh tổ chức họp giao ban báo chí để rút kinh nghiệm, phát huy những điểm mạnh và điều chỉnh kịp thời những thiếu sót trong hoạt động của các cơ quan báo chí, qua đó đóng góp hiệu quả hơn đối với công cuộc xây dựng đất nước trong giai đoạn mới

Bên cạnh đó, báo chí góp phần tuyên truyền đấu tranh chống “diễn biến hoà bình”, bóc trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc mà Đăk Lăk có tới 49 dân tộc anh em và nhiều tôn giáo khác nhau.

Hội Nhà báo tỉnh đã trở thành nơi tập hợp tổ chức, động viên hội viên, các nhà báo chuyên nghiệp và cộng tác viên phát huy vai trò chủ động, sáng tạo; bồi dưỡng đạo đức nhà báo, kiên trì đường lối tuyên truyền của Đảng để phục vụ sự nghiệp cách mạng mỗi nhà báo xứng đáng là chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng văn hoá.

1. Em biết gì về Tạp chí *Chư Yang Sin*?
2. Sưu tầm một số tác phẩm văn thơ thiếu nhi viết về Đăk Lăk.
3. Theo em, vai trò của báo chí trong việc lan toả giá trị văn học viết Đăk Lăk giai đoạn từ 1975 đến nay là gì?

HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2024



Hình 2.1. Liên hoan Âm nhạc Toàn quốc đợt I – năm 2022
tại thành phố Buôn Ma Thuột



MỤC TIÊU

- Nêu được khái quát hoạt động âm nhạc của tỉnh Đắk Lắk từ năm 1975 đến năm 2024.
- Trình bày được những nội dung cơ bản được phản ánh trong các tác phẩm âm nhạc qua các thời kì.
- Nêu được một số tác giả, tác phẩm âm nhạc tiêu biểu qua các thời kì.
- Hát đúng giai điệu, lời ca và nêu được cảm nhận về một tác phẩm âm nhạc viết về Đắk Lắk.
- Sưu tầm những tác phẩm âm nhạc viết về Đắk Lắk để tập hát và chia sẻ với bạn bè (hình ảnh, âm thanh, video clip,...).



MỞ ĐẦU

Một trích đoạn bài hát *Yêu sao Đắk Lắk hôm nay* của nhạc sĩ Đức Hùng.



- Hãy cho biết tên và tác giả bài hát em vừa nghe.
- Hãy nêu cảm nhận của em khi nghe bài hát này.



Văn hoá nghệ thuật ở Tây Nguyên nói chung và ở Đắk Lắk nói riêng rất đa dạng và phong phú. Bản sắc văn hoá của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk đã thể hiện rõ nét trong từng lĩnh vực hoạt động như: nghệ thuật diễn tấu cồng chiêng, nghệ thuật múa truyền thống. Âm nhạc Đắk Lắk đã có sự kết hợp chặt chẽ với văn hoá dân gian để tạo nên những tác phẩm mang đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc ở mỗi thời kì, mỗi giai đoạn.

I. KHÁI QUÁT SỰ PHÁT TRIỂN ÂM NHẠC TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2024

Âm nhạc Đắk Lắk là một trong những hoạt động nằm trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật chung của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Những tác phẩm âm nhạc mới viết về Đắk Lắk đã tiếp thu chất liệu của âm nhạc dân gian để phản ánh mọi mặt trong cuộc sống mới.

Một trong những nét đặc trưng của âm nhạc Đắk Lắk từ sau năm 1975 là sự gắn kết giữa âm nhạc truyền thống và âm nhạc hiện đại. Thông qua những bài hát ca ngợi vùng đất Tây Nguyên, phản ánh đời sống, tình cảm của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk, các nhạc sĩ đã biết cách khai thác những nét đặc trưng của âm nhạc truyền thống, đồng thời phát triển để làm cho các tác phẩm âm nhạc ngày càng trở nên gần gũi với cuộc sống hiện tại. Chính nét đặc trưng âm nhạc này đã khơi nguồn cảm hứng sáng tác cho nhiều nhạc sĩ trong và ngoài tỉnh. Những bài hát viết về Đắk Lắk đã đến với công chúng của cả nước, tạo sức hấp dẫn bởi dấu ấn riêng biệt.

Sau năm 1975, lực lượng sáng tác âm nhạc ở Đắk Lắk chủ yếu là những nhạc sĩ đã hoạt động trong kháng chiến chống Mỹ như Kpă Púi, Ama Nô, Y Yơn với những ca khúc thể hiện tình yêu quê hương, lòng yêu nước chống quân xâm lược của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk nói riêng và ở Tây Nguyên nói chung. Sau ngày Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk được thành lập (05/9/1990), số lượng nhạc sĩ đã từng bước phát triển. Đến năm 2024, Chi hội Âm nhạc Đắk Lắk đã có 32 hội viên, trong số đó, có 18 hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Các nhạc sĩ đã tham gia các trại sáng tác ở trung ương và địa phương; tham gia các đợt bồi dưỡng theo chuyên đề cụ thể; tổ chức và tham gia các liên hoan âm nhạc cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia. Sự phát triển qua từng giai đoạn của Chi hội Âm nhạc Đắk Lắk đã từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ âm nhạc của công chúng trong tỉnh và trên cả nước.

Nội dung phản ánh trong các tác phẩm âm nhạc từ sau năm 1975 là ca ngợi chiến thắng của quân và dân các dân tộc trên mảnh đất Đắk Lắk anh hùng; phản ánh mọi mặt sống của đồng bào các dân tộc trong những ngày xây dựng lại quê hương sau chiến tranh dưới chế độ mới.

Để nâng cao đời sống âm nhạc trong công chúng, nhiều liên hoan âm nhạc đã được tổ chức thường xuyên thông qua các hội diễn nghệ thuật quần chúng, hội thi văn nghệ của nhiều ngành, các đơn vị. Hoạt động âm nhạc Đắk Lắk đã thể hiện rõ

nét trong các lễ hội truyền thống và các lễ hội hiện đại. Chi hội Âm nhạc đã cùng với Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk thường xuyên tổ chức nhiều chương trình Giới thiệu tác giả – tác phẩm âm nhạc Đắk Lắk trên sân khấu biểu diễn, trong trường học và trên phương tiện truyền thông đại chúng. Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc Đắk Lắk là một đơn vị biểu diễn âm nhạc chuyên nghiệp của tỉnh. Các chương trình được dàn dựng công phu và mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc đã được biểu diễn trong tỉnh, trong nước và giao lưu văn hoá với nhiều nước trên thế giới. Ngoài ra, còn có đội Múa rối và đội Tuyên truyền lưu động của tỉnh. Từ những hoạt động âm nhạc này, nhiều nghệ sĩ đã đón nhận danh hiệu cao quý của Nhà nước như: Nghệ sĩ Nhân dân (NSND) Y Moan, NSND Y Săn Aléo, Nghệ sĩ Ưu tú (NSUT) Vũ Lân, NSUT Y Phôn Ksor, NSUT Quang Dũng, NSUT Y Joel Knul,...



Hình 2.2. Nghệ sĩ Nhân dân Y Moan



Hình 2.3. Nghệ sĩ Nhân dân Y Săn Aléo



Hình 2.4. Nghệ sĩ Ưu tú Vũ Lân



Hình 2.5. Nghệ sĩ Ưu tú Y Phôn Ksor



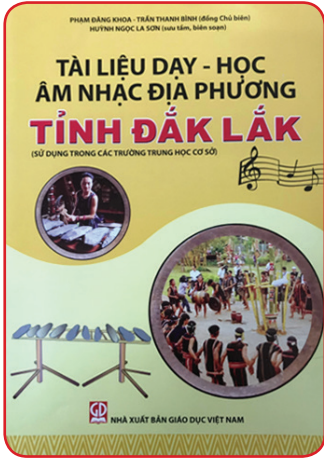
Hình 2.6. Nghệ sĩ Ưu tú Quang Dũng



Hình 2.7. Nghệ sĩ Ưu tú Y Joel Knul

Việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong lĩnh vực âm nhạc đã được thể hiện rõ nét qua các công trình nghiên cứu, các hội thảo khoa học. Nhiều tập ca khúc của các tác giả, các tài liệu nghiên cứu về nhạc cụ truyền thống của dân tộc Êđê, Mông ở Đắk Lắk,... đã được phổ biến. Đặc biệt, nội dung giáo dục âm nhạc địa phương đã được các nhạc sĩ, các nhà nghiên cứu âm nhạc sưu tầm, biên soạn

và tập huấn để đưa hoạt động giáo dục âm nhạc địa phương vào trường học theo từng cấp học cụ thể,... Bên cạnh đó, các phòng Văn hoá thông tin ở các huyện đã liên tục tổ chức những lớp học truyền dạy cách đánh chiêng cho thiếu niên ở địa phương, nhiều câu lạc bộ hát dân ca Tây Nguyên đã được tổ chức trong các trường học.



Hình 2.8. Tài liệu dạy – học âm nhạc địa phương tỉnh Đắk Lắk dành cho học sinh Trung học cơ sở



Hình 2.9. Nhạc sĩ Châu Phan cùng với nghệ nhân truyền dạy đánh chiêng tre cho thiếu nhi huyện Krông Bông

Nhìn chung, từ sau năm 1975 đến năm 2024, Âm nhạc ở Đắk Lắk đã có sự phát triển đa dạng, bền vững. Những tác phẩm âm nhạc ở Đắk Lắk đã góp phần làm phong phú đời sống văn hoá nghệ thuật của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc ở Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

Nghe một trích đoạn bài hát *Lên cao nguyên đi anh* của nhạc sĩ Quang Dũng.



LUYỆN TẬP

- Trong các bài hát về vùng đất Đắk Lắk, em thích bài hát nào nhất?
- Hãy kể tên một vài nghệ sĩ biểu diễn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

II. CÁC TÁC GIẢ, TÁC PHẨM ÂM NHẠC TIÊU BIỂU

Sáng tác âm nhạc từ trước đến nay không chỉ có tác giả địa phương mà còn có nhiều nhạc sĩ ở mọi miền Tổ quốc viết về Đắk Lắk. Một số nhạc sĩ đã sáng tác những tác phẩm phản ánh chân thực đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, ca ngợi quê hương Đắk Lắk giàu đẹp. Trong số này, phải kể đến tên tuổi của một số nhạc sĩ như: Kpă Y Lăng, Xuân Hồng, Nguyễn Cường, Phạm Tuyên, Vũ Thiết,... Từ trước năm 1975 cho đến năm 2024, lực lượng sáng tác ở Đắk Lắk đã được hình thành và phát triển qua mỗi thời kì, đặc biệt là từ khi Hội Văn học Nghệ thuật Đắk

Lắc được thành lập (1990), đội ngũ tác giả âm nhạc đã có sự phát triển. Lực lượng sáng tác này đã tạo nên những nét tiêu biểu, phong phú trong hoạt động âm nhạc của tỉnh Đắk Lắk.

1. Giai đoạn 1975 – 1990

Giai đoạn 1975 – 1990, nhiều nhạc sĩ đã trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ như: Kpă Púi, Đàm Thanh, Kpă Y Lăng, Ama Nô, Minh Phong, Y Sơn Niê, Văn Tấn,... Các tác giả âm nhạc này đã có những tác phẩm ca ngợi cuộc sống của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên phản ánh sự đổi mới của quê hương Đắk Lắk sau ngày giải phóng đất nước, tạo được dấu ấn sâu sắc trong đời sống âm nhạc ở Đắk Lắk. Những bài hát *Tây Nguyên giải phóng*, *Đêm thao thức* (Kpă Púi), *Con trâu* (Đàm Thanh), *Đêm trăng trên buôn mới* (Kpă Y Lăng), *Chim K'tia* (Y Sơn Niê), *Em nhớ Tây Nguyên* (Văn Tấn và Trần Quang Huy),... được sáng tác trước và sau thời điểm 1975 đã tạo nên những nét tiêu biểu của âm nhạc Đắk Lắk với giai điệu sâu lắng, mang nét đặc trưng của âm nhạc Tây Nguyên.

Tiếp bước những cánh chim đầu đàn của âm nhạc Đắk Lắk, các nhạc sĩ Linh Nga Niê Kđăm, Sỹ Hùng, Đức Hùng, Quang Dũng, Mạnh Trí,... là những nhạc sĩ được đào tạo từ các trường âm nhạc, trưởng thành từ các hoạt động văn nghệ trong tỉnh. Thế hệ nhạc sĩ tiếp nối này đã tạo nên diện mạo của âm nhạc Đắk Lắk phù hợp với cuộc sống mới của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk. Tiêu biểu như tác phẩm *Mưa cao nguyên* (Linh Nga Niê Kđăm), *Voi ơi vào hội* (Sỹ Hùng), *Yêu sao Đắk Lắk hôm nay* (Đức Hùng), *Lên cao nguyên đi anh* (Quang Dũng), *Bài ca trên đồi* (Mạnh Trí),... Các tác phẩm này đã gắn liền tên tuổi của tác giả và có sức sống bền bỉ trong dòng chảy âm nhạc qua thời gian.

2. Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2024

Từ sau ngày thành lập Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk, các nhạc sĩ chuyên nghiệp đã được tập hợp, Chi hội Âm nhạc Đắk Lắk được thành lập và đã kết nạp một số nhạc sĩ hoạt động trong các phong trào văn nghệ trong tỉnh (1990). Những sắc màu đa dạng của cuộc sống đã giúp các nhạc sĩ tìm được những cảm hứng sáng tác tươi trẻ, tiết tấu hiện đại nhưng vẫn gắn kết với giai điệu âm nhạc truyền thống. Các nhạc sĩ Y Phôn Ksor, Lê Nhật Thanh, Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Ngọc La Sơn, Nguyễn Hương Thành,... dưới sự dìu dắt của các nhạc sĩ thế hệ trước đã từng bước khẳng định mình qua những tác phẩm tiêu biểu: *Đôi chân trần* (Y Phôn Ksor), *Đắk Lắk quê hương em* (Lê Nhật Thanh), *Âm vang hồn chiêng* (Nguyễn Văn Hạnh), *Chiều Ban Mê* (Huỳnh Ngọc La Sơn), *Hoài niệm ven hồ* (Hương Thành),... Từ các hoạt động phong phú của Chi hội Âm nhạc Đắk Lắk, đội ngũ sáng tác đã có thêm các nhạc sĩ Trần Văn Phước, Trương Hữu An, Nguyễn Hưng, Châu Phan, Dương Tấn Bình, Lê Văn Hải, Lưu Đức Giang, Nguyễn Hưng, Châu Phan,... Những hoạt động âm nhạc Đắk Lắk được mở rộng thêm với các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy.

Âm nhạc Đắk Lắk từ sau năm 1975 đến năm 2024 đã có sự tiếp nối từ nguồn mạch của âm nhạc dân gian, sự thừa hưởng các thành quả của âm nhạc Tây Nguyên qua các thời kỳ kháng chiến chống xâm lược, thời kỳ xây dựng lại đất nước. Cùng với sự phát triển của đất nước và của địa phương, âm nhạc Đắk Lắk đã tích cực giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc thông qua những hoạt động cụ thể.

Những ca khúc viết về Đắk Lắk đã tạo được dấu ấn sâu sắc đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, được công chúng cả nước đón nhận và yêu mến.

Nghe một trích đoạn bài hát *Voi ơi vào hội* của nhạc sĩ Sỹ Hùng.



LUYỆN TẬP

– Hãy nêu tên một vài bài hát của các nhạc sĩ ở Đắk Lắk ở giai đoạn 1975 – 1990 và giai đoạn 1990 – 2024.

III. THỰC HÀNH: TẬP HÁT

Nội dung phần thực hành bao gồm 2 bài hát. Học sinh có thể lựa chọn một trong hai bài hát:

- *Mưa cao nguyên* – sáng tác của nhạc sĩ Linh Nga Niê Kđăm
- *Đôi chân trần* – sáng tác của nhạc sĩ Y Phôn Ksor.

1. *Mưa cao nguyên* (Linh Nga Niê Kđăm)



Hình 2.10. Nhạc sĩ Linh Nga Niê Kđăm

Nhạc sĩ Linh Nga Niê Kđăm sinh ngày 8 tháng 8 năm 1948, quê ở thị trấn Ea Pok, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Bà là người dân tộc Êđê.

Từ tháng 12/1965 đến tháng 10/1966, Linh Nga Niê Kđăm là diễn viên Đoàn Ca múa Tây Nguyên. Từ tháng 10/1966 đến năm 1970, bà học Trung cấp Thanh nhạc, Trường Âm nhạc Việt Nam. Năm 1976 – 1979, Linh Nga Niê Kđăm học Đại học Thanh nhạc (khóa Đào tạo giáo viên) tại Nhạc viện Hà Nội. Từ năm 1979 đến tháng 8/1988, bà về công tác tại Sở Văn hoá – Thông tin Đắk Lắk, phụ trách Đoàn Ca múa, rồi làm Hiệu trưởng Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Đắk Lắk. Giai đoạn 1985 – 1990, bà tiếp tục học Đại học Sáng tác, Nhạc viện Hà Nội. Linh Nga Niê Kđăm đã kinh qua các chức vụ: Phó Giám đốc cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại Đắk Lắk, Chủ tịch Hội Văn học – Nghệ thuật Đắk Lắk. Hiện bà đã nghỉ hưu tại Thành phố Buon Ma Thuột. Bà nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhạc sĩ Việt Nam khóa VI (2000 – 2005) và khóa VII (2005 – 2010).

Nhạc sĩ Linh Nga Niê Kđăm có những tác phẩm đáng chú ý như: thanh xướng kịch *Huyền thoại Drai H'linh* (1990), độc tấu piano *Khúc hát ru rừng trưa* (1989), *H'linh hát trên dòng Sêrêpôk* – đoạt giải của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, 1991.

Bên cạnh đó, bà còn là tác giả một số công trình biên khảo về phong tục tập quán các dân tộc Tây Nguyên: *Tài liệu điển dã Tây Nguyên; Một số nét đặc trưng của phong tục các dân tộc Tây Nguyên* (viết chung với Lâm Tâm, NXB. Văn hoá dân tộc, 1996); *Trường ca, sử thi trong môi trường văn hoá dân gian Tây Nguyên* (2005); *Âm nhạc các dân tộc thiểu số Trường Sơn – Tây Nguyên* (2017),... Bà được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, Huy chương “Vì sự nghiệp Âm nhạc Việt Nam” và nhiều giải thưởng cao quý khác,...⁽¹⁾

MƯA CAO NGUYÊN

Nhanh vừa, vui

Nhạc và lời: LINH NGÀ NIÊ KĐẦM



Mưa cao su nhựa tràn. Mưa trái chín nặng
(Xưa) mưa riêng của Yàng. Nay mưa riêng của



cành. Mưa con mương ngọt đây, em trông
người. Mưa mưa không một mùa em trông



con mương tràn đây. Mưa lúa cười vẫy tay...
con mương ngọt ngào. Nghe tiếng đời xôn



Xưa xao. Ngàn tiếng chiêng gọi mưa (cao nguyên cao
(Ngàn) tiếng ta gọi nhau



nguyên mưa) Ngàn tiếng rừng gọi sấm (cao nguyên mưa cao nguyên)
Ngàn tiếng đời phơi phới



Tiếng reo vui bầy ve (cao nguyên cao nguyên mưa) Tiếng
Tiếng hát ca của mưa Tiếng



trở trần của đất.(cao nguyên cao nguyên mưa) Ngàn
kể kh'an của đất. Kể ngàn năm cơn



khát cao nguyên. La ... La ... La



... La ... La

– Bài hát *Mưa trên cao nguyên* là một sáng tác nổi bật của nhạc sĩ Linh Nga Niê Kđăm. Nội dung bài hát là hình ảnh sống động của quê hương Đắk Lắk tươi mới khi mùa mưa về.

– Bài hát được chia làm 2 đoạn, mỗi đoạn gồm 2 câu nhạc. Với tiết tấu sôi động, tươi vui, giai điệu của bài hát vừa mang nét âm nhạc của Tây Nguyên vừa phù hợp với tiết tấu âm nhạc hiện đại. Bài hát phù hợp với giọng tốp ca nữa.

2. Đôi chân trần (Y Phôn Ksor)



Hình 2.11. Nhạc sĩ
Y Phôn Ksor

Y Phôn Ksor sinh ngày 17 tháng 3 năm 1961, tại buôn Sêk, xã Dliê Yang, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1983, Y Phôn Ksor theo học Văn hoá quần chúng – Khoá I tại Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Đắk Lắk. Năm 1990, Y Phôn Ksor về làm cán bộ phòng Văn hoá và Thông tin huyện Ea H’leo. Đến năm 1992, khi tham dự trại sáng tác âm nhạc khu vực Tây Nguyên, ông sáng tác ca khúc “*Chim phi bay về cội nguồn*”. Ca khúc này giúp Y Jak Arul đoạt huy chương Bạc Hội diễn Ca múa nhạc chuyên nghiệp Toàn quốc năm 1993.

Năm 1993, Y Phôn Ksor chuyển đến công tác tại Đoàn Ca múa Dân tộc Đắk Lắk. Giai đoạn này, ông sáng tác một số ca khúc mới trong đó, nổi bật là ca khúc “*Đi tìm lời ru nữ thần mặt trời*”. Ca khúc này đã giúp ca sĩ Y Moan đoạt huy chương Vàng tại Liên hoan Ca múa nhạc chuyên nghiệp Toàn quốc 1995. Năm 1995, ông sáng tác ca khúc “*Đôi chân trần*”, ca khúc trở nên phổ biến qua giọng hát Y Moan và một số ca sĩ khác ở Tây Nguyên.

Năm 2004, Y Phôn Ksor được cử đi học Cao đẳng sáng tác tại Trường Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội. Ông từng giữ chức Phó trưởng Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc Đắk Lắk. Năm 2018, Y Phôn Ksor được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú và nghỉ hưu năm 2021.

ĐÔI CHÂN TRẦN

$\text{♩} = 70$
Chậm vừa, tình cảm

Nhạc và lời: Y Phôn Ksor

Tôi muốn quên đi tháng với ngày, cha đi
lượm quả ngọt rừng cho con ngủ qua đêm. Tôi muốn quên

đi đôi chân trần, cha đi lượm từng hạt thóc cho
 con một bát cơm chiều. Ôi ngày tháng đôi tay
 gầy run run tựa vào hàng cây. Ôi thời
 gian hãy quên đi đôi chân gòn gòn đi giữa rừng hoang
 vu. Lung cha gọi nắng gầy ôi tóc bạc tựa trắng
 soi. Cả một đời và cả cuộc đời đôi chân
 trần. À ha ha A ha ha...

– Bài hát *Đôi chân trần* là một sáng tác nổi tiếng của nhạc sĩ Y Phôn Ksor. Nội dung bài hát là một hoài niệm về nỗi vất vả ngày xưa của người cha đi tìm quả ngọt trong rừng về cho con.

Bài hát gồm hai đoạn đơn, với tiết tấu chậm rãi, khoan thai, tính chất tự sự là nét chủ đạo của bài hát. Bài hát phù hợp với giọng đơn ca nam.

VẬN DỤNG

– Hát một trong hai bài *Mưa trên cao nguyên* ở hình thức hát tốp ca hoặc bài *Đôi chân trần* ở hình thức hát đơn ca.

MĨ THUẬT ĐẮK LẮK TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY



MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm, vai trò của mỹ thuật tỉnh Đắk Lắk từ năm 1975 đến nay.
- Nêu được một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của Mỹ thuật Đắk Lắk.
- Phân tích, đánh giá được vẻ đẹp tạo hình của một số tác phẩm mỹ thuật tỉnh Đắk Lắk.
- Biết trân trọng, gìn giữ và phát huy những giá trị nghệ thuật tạo hình đặc sắc của địa phương.



MỞ ĐẦU

Hãy cho biết chủ đề, chất liệu, nội dung và yếu tố tạo hình trong tác phẩm sau?



Hình 3.1



I. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MĨ THUẬT ĐẮC LẮK TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Em có biết

Đắk Lắk luôn được xem là địa phương giàu tiềm năng dành cho sáng tạo văn học nghệ thuật. Kho tàng văn học nghệ thuật ở đây rất đa dạng với nhiều loại hình đặc sắc và độc đáo, trong đó có mỹ thuật. Nền mỹ thuật dân gian bản địa là vốn quý đóng vai trò quan trọng trong đời sống, là nét văn hoá đặc trưng riêng của đồng bào nơi đây.

1. Bối cảnh văn hoá, xã hội

Trước năm 1975, Đắk Lắk nói riêng và cả khu vực Tây Nguyên nói chung đã có một số ít người hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật nhưng lực lượng sáng tác còn mỏng, chủ yếu là mỹ thuật ứng dụng, trang trí, quảng cáo. Cùng với đó là lĩnh vực mỹ thuật dân gian như: điêu khắc gỗ, dệt hoa văn thổ cẩm, tạo hình gốm,... rất ít họa sĩ thực thụ được đào tạo một cách bài bản. Tuy nhiên, trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ba tỉnh Tây Nguyên là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk cùng sáu tỉnh miền Trung thuộc khu V (miền Trung Trung Bộ) có Ban Tuyên huấn Khu uỷ Khu V hoạt động bao quát cả 9 tỉnh. Trong Ban Tuyên huấn Khu uỷ Khu V có Hội Văn nghệ giải phóng Khu V, trong đó có đội ngũ họa sĩ và các nhà văn, nhà thơ,... Các họa sĩ đã phần được đào tạo từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (nay là Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam) và số ít ở Trường Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội chi viện.



Hình 3.2. Rê thóc – Tranh sơn khắc của họa sĩ Xu Man (Ảnh: Triệu Khắc Lễ)



Hình 3.3. Sinh hoạt ở Tây Nguyên – Tranh bột màu của họa sĩ Trần Văn Cẩn (Ảnh: Triệu Khắc Lễ)

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, một số họa sĩ từ Hà Nội mà tiêu biểu là các họa sĩ Trần Văn Cẩn (nguyên Tổng Thư kí Hội Mỹ thuật Việt Nam), họa sĩ Nguyễn Văn Ty, họa sĩ Huỳnh Văn Thuận,... đã vào Buôn Ma Thuột theo những đoàn quân giải phóng. Họa sĩ Trần Văn Cẩn, Nguyễn Văn Ty,... đã có những bức tranh, kí họa đẹp về giải phóng Buôn Ma Thuột, góp phần tuyên truyền, khích lệ, động viên, ghi lại những khoảnh khắc đẹp về tinh thần chiến đấu của quân và dân ta trong cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc.

Các họa sĩ của Khu V sống trong rừng Trường Sơn với bộ đội và đồng bào dân tộc Tây Nguyên nên các họa sĩ vẽ nhiều về hình ảnh sinh hoạt của người dân và Bộ đội cụ Hồ trong cuộc kháng chiến. Năm 1996, Nhà xuất bản Mĩ thuật đã in tuyển tập “50 năm tranh tượng Liên khu V thời chiến tranh cứu nước” nhân kỉ niệm 50 năm ngày toàn quốc kháng chiến.



Hình 3.4. Chiến trường Tây Nguyên –Kí họa của họa sĩ Triệu Khắc Lễ (Ảnh: Triệu Khắc Lễ)



Hình 3.5. Tây Nguyên chiến thắng – Tranh sơn dầu của họa sĩ Phan Thế Cường (Ảnh: Triệu Khắc Lễ)

2. Đặc điểm mỹ thuật tạo hình của Đăk Lăk

Hiện nay, Đăk Lăk có sự giao thoa văn hoá các dân tộc của nhiều vùng miền khác nhau cùng về đây sinh sống, vì vậy các tác phẩm mỹ thuật ra đời với nhiều sắc màu văn hoá và góc nhìn khác nhau nhưng vẫn mang đậm bản sắc văn hoá của vùng đất đại ngàn. Nhiều họa sĩ và người làm mỹ thuật đã sử dụng chất liệu, hình ảnh, văn hoá Tây Nguyên nói chung và Đăk Lăk nói riêng để định hình phong cách trong sáng tác các tác phẩm của mình. Thông qua các tác phẩm, các tác giả phản ánh về tâm tư, tình cảm cuộc sống của con người nơi đây.

Cùng với sự phát triển của văn học nghệ thuật tỉnh nhà, từ sau năm 1975 hoạt động mỹ thuật Đăk Lăk được phát triển thường xuyên, liên tục, tiếp nối và phát huy mỹ thuật truyền thống đưa mỹ thuật Đăk Lăk lên một tầm cao mới sánh vai với mỹ thuật các khu vực trên toàn quốc và thế giới.



Hình 3.6. Họa sỹ Lê Văn tại Triển lãm Tranh màu nước Quốc tế ở Indonesia 2017



Hình 3.7. Mầm cây – Điêu khắc Sơn trên composit và kim loại của Đàm Đăng Lại, tại triển lãm điêu khắc Quốc tế Ube, Yamaguchi, Nhật Bản 2024.

Năm 1977, Trường Nghiệp vụ Văn hoá Thông tin Đăk Lăk được thành lập, qua quá trình trường đã phát triển lên trung cấp, cao đẳng. Cũng từ đây, các thế hệ hoạ sĩ, người làm mỹ thuật được đào tạo một cách chính quy để bổ sung cho các huyện trên toàn tỉnh. Bên cạnh đó, nhiều hoạ sĩ được đào tạo từ các Trường Đại học Mỹ thuật Huế, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về Đăk Lăk công tác đã bổ sung cho tỉnh nhà một lực lượng sáng tác mỹ thuật với chuyên môn cao và nhiều tác phẩm chất lượng được ra đời. Thông qua những tác phẩm đã phản ánh đời sống, thiên nhiên, con người, ngợi ca tình cảm của đồng bào các dân tộc ở Đăk Lăk. Các hoạ sĩ đã khai thác những đặc trưng riêng có của mỹ thuật truyền thống, những đặc thù riêng có của văn hoá đại ngàn làm cho những tác phẩm mỹ thuật Đăk Lăk dễ chạm đến trái tim của người yêu nghệ thuật, thêm yêu mảnh đất này.



Hình 3.8. Một góc phòng trưng bày Triển lãm Mỹ thuật khu vực V nam miền Trung và Tây Nguyên (tại Đăk Lăk, 2019) (Ảnh: Ngô Sỹ)



Hình 3.9. Cắt băng khai mạc Triển lãm Mỹ thuật tỉnh Đăk Lăk lần thứ 2 năm 2024. (Ảnh: Ngô Sỹ)

Đến nay, lực lượng sáng tác mỹ thuật của Đăk Lăk rất đông đảo và phủ khắp các huyện, thị và thành phố. Chi hội Mỹ thuật thuộc Hội Văn học Nghệ thuật Đăk Lăk hiện nay có 31 hoạ sĩ, trong đó có 18 hoạ sĩ là hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam. Đây là những hoạ sĩ chuyên nghiệp đã và đang có tầm ảnh hưởng rất lớn đưa hình ảnh và văn hoá Đăk Lăk đến với công chúng yêu nghệ thuật trong tỉnh, trong nước và thế giới. Bên cạnh đó, mỹ thuật Đăk Lăk luôn là kênh thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan cho các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội. Hằng năm, Chi hội Mỹ thuật thường tổ chức các trại sáng tác của trung ương và địa phương, thường xuyên tham gia các triển lãm Mỹ thuật cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia.

3. Vai trò của mỹ thuật tạo hình trong đời sống văn hoá - xã hội Đăk Lăk

Cùng với sự phát triển của xã hội, sản phẩm mỹ thuật có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của con người. Mỹ thuật Đăk Lăk ngày nay đã và đang được ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn cuộc sống, có thể thấy từ trong gia đình đến ngoài xã hội đều có sự xuất hiện của mỹ thuật. Hiện nay, trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố trong toàn tỉnh đều có các hoạ sĩ ở các nhà văn hoá huyện, các thầy, cô giáo dạy mỹ thuật trong các trường phổ thông và các hoạ sĩ tự do, đây là những người làm mỹ thuật chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp đã và đang góp phần làm đẹp cho cảnh quan phố thị, cơ quan công sở và trường học,... góp phần làm đẹp cho xã hội.



Hình 3.10. Tranh tường ở phố Phan Đình Giót – TP. Buon Ma Thuot (Trích đoạn). (Ảnh: Ngô Sỹ)



Hình 3.11. Tranh bích hoạ ở buôn Tong Jù – TP. Buon Ma Thuot (Trích đoạn), (Ảnh: Ngô Sỹ)

Trong những năm gần đây, các tác phẩm mỹ thuật của các họa sĩ Đắk Lắk được nhiều gallery, bảo tàng, cá nhân trong và ngoài nước sưu tập. Nhiều họa sĩ thành danh và sống được bằng nghề, các cuộc triển lãm giới thiệu tác phẩm được tổ chức theo từng chủ đề, từng sự kiện, diễn ra thường xuyên nhằm đưa mỹ thuật đến gần hơn với công chúng, đưa văn hoá Đắk Lắk vươn xa hơn, đưa mỹ thuật vào thực tiễn đời sống.

Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk là cơ quan quản lí và phát triển về văn học nghệ thuật của tỉnh nhà, là ngôi nhà chung của văn nghệ sĩ, trong đó có các họa sĩ là hội viên của Chi hội Mỹ thuật. Các phong trào hoạt động do Hội tổ chức đã khơi gợi năng lực sáng tạo của họa sĩ và của những người có đam mê hoạt động mỹ thuật. Qua các tác phẩm của mình, các họa sĩ Đắk Lắk đã phát huy ưu thế của một vùng đất đa văn hoá, có lịch sử hào hùng để giới thiệu, quảng bá về đất và người Đắk Lắk. Với phương châm không để địa phương nào không có hội viên, hằng năm Chi hội Mỹ thuật Đắk Lắk đã lựa chọn, bồi dưỡng và kết nạp thêm nhiều hội viên mới, đặc biệt chú ý nhiều đến các huyện, địa phương vùng sâu vùng xa.



Hình 3.12. Lễ cúng sức khỏe cho voi – tranh sơn dầu của Phạm Văn Hải



Hình 3.13. Cô gái Ê Đê, tranh sơn dầu của Y luê Adrong

Văn học nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng là món ăn tinh thần, là phương tiện để chuyển tải văn hoá, tâm tư tình cảm của con người với con người, của con người với thiên nhiên,... Từ sau năm 1975 đến nay, mỹ thuật Đăk Lăk phát triển mạnh về số lượng hội viên, nhiều thế hệ họa sĩ đã và đang đưa văn hoá Đăk Lăk ra với công chúng, giới thiệu văn hoá, con người và hình ảnh Đăk Lăk qua các tác phẩm mỹ thuật. Cùng với lĩnh vực nghệ thuật dân gian truyền thống của người dân tộc tại chỗ là điêu khắc gỗ, dệt thổ cẩm, làm gốm,... thì ngày nay lĩnh vực mỹ thuật hiện đại đã cùng phát huy để làm giàu thêm cho giá trị văn hoá dân tộc, đồng thời mỹ thuật cũng là cơ sở thúc đẩy một số ngành khác cùng phát triển như: Ngành thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, nghiên cứu và phát triển hoa văn mới cho ngành dệt thổ cẩm, tranh, tượng tạo ra những điểm nhấn để phát triển không gian văn hoá du lịch cộng đồng, công viên, các khu du lịch sinh thái và du lịch văn hoá,...



Hình 3.14. Vườn tượng điêu khắc gỗ ở Khu du lịch núi đá Voi. (Ảnh: Ngô Sỹ)



Hình 3.15. Tượng điêu khắc gỗ ở Khu du lịch sinh thái Kötam. (Ảnh: Ngô Sỹ)

III. MỘT SỐ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA MỸ THUẬT ĐẮK LẮK TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

1. Một số tác giả tiêu biểu

Đăk Lăk nằm trên vùng đất Cao Nguyên giàu bản sắc văn hoá dân tộc, được thiên nhiên ban tặng cho nhiều cảnh đẹp, hùng vĩ, là mảnh đất màu mỡ, nguồn cảm hứng cho các văn nghệ sĩ. Hằng năm, có rất nhiều họa sĩ của các vùng miền trong cả nước về đây đi thực tế và vẽ. Nhiều tác phẩm của các họa sĩ đã đoạt những giải thưởng cao trong các cuộc triển lãm mỹ thuật khu vực và toàn quốc, tiêu biểu như: Họa sĩ Phạm Văn Thu (Quảng Ngãi), họa sĩ Lê Xuân Chiêu, Nguyễn Thanh Sơn (Thành phố Hồ Chí Minh), Lê Duy Khanh (Bình Định),...

Giai đoạn 1977 – 1990, lực lượng họa sĩ Đăk Lăk còn mỏng, chủ yếu là công tác ở ngành Văn hoá Thông tin và dạy tại Trường Trung cấp Văn hoá nghệ thuật. Tiêu biểu như: Họa sĩ Nguyễn Bỉ, Chu Thị Thánh, Đoàn Ngọc Dũng, Bảo Hiền, Nguyễn Văn Tựu, Nguyễn Tuấn, Mlo Hiu, Nguyễn Xuân Quát, Phạm Xuân Quang.

Đến năm 1990, có thêm các họa sĩ Y Nhi Ksor, Lê Bá Điều, Trần Thị Thu Hà, Lê Văn đã có tranh tham dự Triển lãm Mĩ thuật toàn quốc, mở ra thời kỳ mĩ thuật Đăk Lăk hội nhập với mĩ thuật cả nước. Đây là những họa sĩ được đào tạo bài bản từ Đại học Nghệ thuật Huế, Đại học Mĩ thuật Việt Nam về Đăk Lăk công tác và là những họa sĩ đặt nền móng cho Chi hội Mĩ Thuật phát triển sau này.

Từ năm 2000 trở lại đây, lực lượng các họa sĩ được đào tạo ở nhiều trường Cao đẳng, Đại học Mĩ thuật trong cả nước về công tác tại Đăk Lăk đã bổ sung thêm cho Mĩ thuật tỉnh nhà, một đội ngũ tương đối mạnh như: họa sĩ Trương Văn Linh, Trần Thanh Long, Ngô Sỹ, An Quốc Bình, Hồ Hậu, Nông Hoàng Chiến, Nguyễn Hải Long, Lê Ngọc Thế, Hoàng Duyên, Phạm Văn Hải, Y Luê Adrong, Y Buih Niê, Nguyễn Tấn Vĩ, nhà điêu khắc Đàm Đăng Lại, Nguyễn Tân,... lĩnh vực Mĩ thuật đã và đang lan toả, góp phần làm đẹp thêm cho quê hương Đăk Lăk.

2. Một số tác phẩm tiêu biểu

Văn hoá Tây Nguyên rất phong phú, các dân tộc thiểu số nơi đây sở hữu nền văn hoá đa dạng, nhiều di sản văn hoá vật thể, phi vật thể quý giá vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị thẩm mĩ độc đáo như: nhà rông, nhà dài, đàn đá, tượng mồ, các lễ hội, sinh hoạt cộng đồng đặc sắc; kho tàng văn học dân gian với những bản trường ca, truyện cổ, truyện ngụ ngôn, lời nói vần được lưu truyền qua nhiều thế hệ, đặc biệt là Không gian Văn hoá công cộng chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại,... Những bản sắc, tinh tuý ấy là chất liệu quý giá cho văn nghệ sĩ trong hoạt động văn hoá nghệ thuật, trong đó có mĩ thuật.

Những tác phẩm tiêu biểu của Mĩ thuật Đăk Lăk mang đậm bản sắc Tây Nguyên được công chúng biết đến như: “Tiếng chiêng gọi hồn của” của họa sĩ Lê Văn, “Đi dự hội”, “Sự nổi giận của nữ thần mặt trời” của họa sĩ Y Nhi Ksor, “Hôm qua – Hôm nay – Ngày mai” của họa sĩ Hồ Hậu, “Nụ cười M’ nông” của họa sĩ Trần Thanh Long, “Chiều cao nguyên” của Ngô Sỹ, “Mắt rừng” của Nguyễn Tân. Nhiều họa sĩ khác như: Miô Hiu, Đoàn Ngọc Dũng, Nông Hoàng Chiến, Nguyễn Hải Long, Bùi Thị Nam, Hoàng Duyên, Đỗ My, Y Luê Adrong, Nguyễn Thu Vân, Y Buih Niê Kdam,... cũng có nhiều sáng tác về Tây Nguyên. Nhiều tác phẩm được các giới chuyên môn đánh giá cao, trưng bày tại các bảo tàng mĩ thuật, được các nhà sưu tập tư nhân trong và ngoài nước yêu thích.



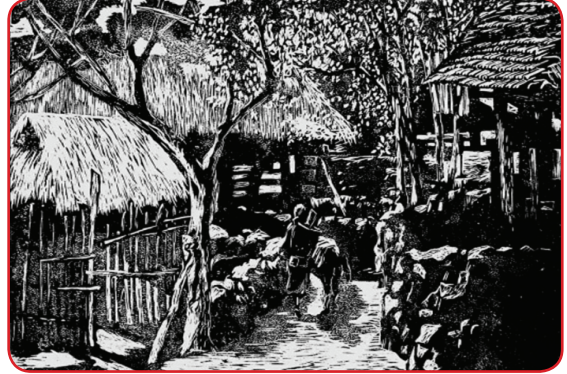
Hình 3.16. Phong cảnh Đăk Nông,
tranh màu nước của Lê Văn



Hình 3.17. Bài ca Dăm Săn,
tranh sơn dầu của Y Nhi Ksor



Hình 3.18. Sắc mới Bazan, tranh sơn mài của Ngô Sĩ



Hình 3.19. Bản tà Tây Nguyên, tranh khắc gỗ của Trương Văn Linh



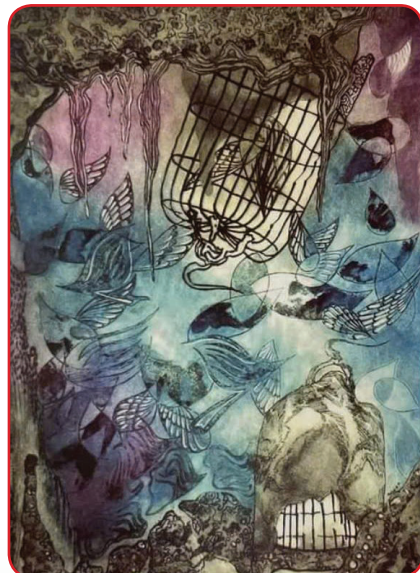
Hình 3.20. Bình yên rừng già, Tranh sơn dầu của Trần Thanh Long



Hình 3.21. Anh đi em nhớ, điêu khắc màu Acrylic trên gỗ của Đàm Đăng Lại



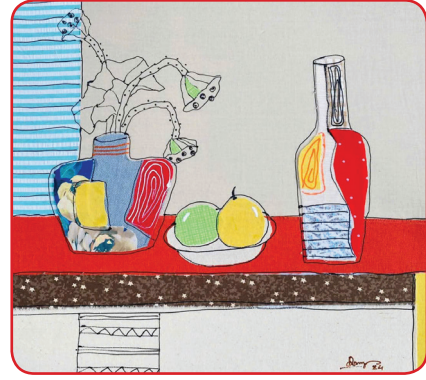
Hình 3.22. Nắng và gió, điêu khắc của Nguyễn Tân



Hình 3.23. Giấc mơ rừng, in mica của Nguyễn Hải Long



Hình 3.24. Dã quỳ, khắc gỗ màu của Hoàng Duyên



Hình 3.25 Tĩnh vật, ghép vải vụn của Đỗ Mỹ



Hình 3.26. Bến nước, tranh sơn dầu của Y Buih Niê Kdam



Hình 3.27. Giấc xuân, lụa của Nguyễn Thu Vân

Ghi nhớ

- Đăk Lăk được xem là địa phương giàu tiềm năng dành cho sáng tạo văn học nghệ thuật với nhiều loại hình đặc sắc và độc đáo, trong đó có mỹ thuật.
- Trước năm 1975, Đăk Lăk nói riêng và cả khu vực Tây Nguyên nói chung đã có một số ít người hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật nhưng chủ yếu là mỹ thuật ứng dụng, trang trí, quảng cáo. Cùng với đó là lĩnh vực mỹ thuật dân gian như điêu khắc gỗ, dệt hoa văn thổ cẩm, tạo hình gốm,...
- Đến nay, Mỹ thuật Đăk Lăk đã phát triển lên một tầm cao mới sánh vai với mỹ thuật các khu vực trên toàn quốc và thế giới.
- Hội Văn học Nghệ thuật Đăk Lăk là cơ quan quản lý và phát triển về văn học nghệ thuật, là ngôi nhà chung của văn nghệ sĩ, trong đó có các họa sĩ là hội viên của Chi hội Mỹ thuật, các họa sĩ đã phát huy ưu thế của một vùng đất đa văn hoá, có lịch sử hào hùng để giới thiệu, quảng bá về đất và người Đăk Lăk.
- Từ sau năm 1975 đến nay, Mỹ thuật Đăk Lăk phát triển mạnh, nhiều thế hệ họa sĩ đã và đang đưa văn hoá Đăk Lăk ra với công chúng, giới thiệu văn hoá, con người và hình ảnh Đăk Lăk qua các tác phẩm mỹ thuật.



Dựa vào các thông tin trong bài, em hãy:

1. Nêu tên một số tác giả và tác phẩm của Mĩ thuật Đắk Lắk.
2. Em thích nhất là tác phẩm của hoạ sĩ nào? Vì sao?
3. Kể tên một số tác phẩm thuật vẽ về Đắk Lắk mà em biết.



LUYỆN TẬP

1. Sưu tầm (chụp hoặc in) tranh của một số hoạ sĩ Đắk Lắk.
2. Phân tích và giới thiệu vẻ đẹp nghệ thuật tạo hình của một số tác phẩm mĩ thuật ở tỉnh Đắk Lắk mà em yêu thích.
3. Học sinh lập bảng thống kê các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mĩ thuật Đắk Lắk từ 1975 đến nay.



VẬN DỤNG

1. Em hãy tạo một sản phẩm mĩ thuật (vẽ một bức tranh, làm mô hình nhà dài, đồ chơi trẻ em, thiết kế thiệp, thiết kế thời trang...).
2. Trưng bày và giới thiệu sản phẩm:
 - Trưng bày tác phẩm (tranh hoặc sản phẩm mĩ thuật, sản phẩm sưu tầm...)
 - Ý tưởng (em tạo ra sản phẩm, sưu tầm tác phẩm,... nhằm mục đích gì?)
 - Cách thể hiện sản phẩm (chất liệu, cách làm,...).
 - Em mong muốn điều gì khi học xong chủ đề này?

Tham khảo một số bài tranh vẽ của học sinh



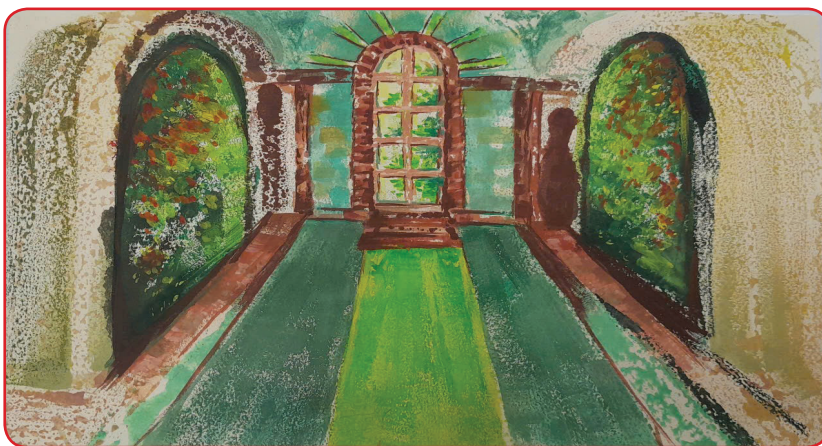
Hình 3.28. Chân dung bạn – bài khắc gỗ của học sinh lớp 12A12, Trường THPT Buôn Ma Thuột



Hình 3.29. Bài vẽ của Nguyễn Nhật Minh,
học sinh Trường THPT chuyên Nguyễn Du



Hình 3.30. Bài vẽ của học sinh Trường THPT Buôn Ma Thuột



Hình 3.31. Bài vẽ của học sinh Trường THPT Buôn Ma Thuột

ĐẮC LẮK VỮNG BƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY



MỤC TIÊU

- Nêu được nội dung các giai đoạn của thời kì đổi mới (từ năm 1986 đến nay) ở tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được những thành tựu nổi bật, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của sự nghiệp đổi mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Cùng cố niềm tin vào sự nghiệp đổi mới; nâng cao ý thức trách nhiệm của học sinh với quê hương Đắk Lắk.



MỞ ĐẦU

Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ X (10/1986) là mốc mở đầu thời kì đổi mới trên quê hương Đắk Lắk. Trải qua hơn 35 năm tiến hành đổi mới, Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk đã lãnh đạo Nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi nhiều kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội dài hạn và đạt được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

Vậy, công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk diễn ra trong bối cảnh nào? Đắk Lắk đã đạt được những thành tựu gì trong hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước của Đảng? Thành quả đổi mới có ý nghĩa như thế nào đối với Nhân dân tỉnh Đắk Lắk? Từ thực tiễn đổi mới, Đảng bộ, Chính quyền tỉnh Đắk Lắk đã rút ra những bài học gì cho chặng đường tiếp theo của sự nghiệp đổi mới và hội nhập?

Chuyên đề này sẽ giúp các em hiểu đúng và rõ rệt hơn những vấn đề đó.



KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG Ở TỈNH ĐẮC LẮK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

1. Bối cảnh lịch sử

Trong thời gian thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1985), cách mạng xã hội chủ nghĩa nước ta đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh

vực của đời sống xã hội, song cũng gặp không ít khó khăn. Đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế – xã hội.

Đối với tỉnh Đắk Lắk, trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 – 1985) đã đạt được những thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực. Nhưng đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, Đắk Lắk lại rơi vào khủng hoảng trầm trọng về kinh tế – xã hội. Nông nghiệp chiếm tỉ trọng hơn 80% cơ cấu kinh tế. Công nghiệp nhỏ lẻ, manh mún và lạc hậu. Dịch vụ thấp kém. Giá cả thị trường tăng với tốc độ phi mã (tháng 6/1986 tăng 375% so với tháng 10/1985). Tình trạng đói ăn, thiếu mặc, ốm đau, dịch bệnh xảy ở nhiều nơi. Toàn tỉnh có hơn 34% số hộ đói nghèo. Hàng tiêu dùng khan hiếm, đắt đỏ. Một số mặt hàng xuất khẩu chiến lược như: cà phê, cao su,... năng suất kém, xuất khẩu ở dạng thô nên giá trị thấp. Đời sống của đại bộ phận dân cư, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ gặp rất nhiều khó khăn, vất vả.

Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm và thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, đòi hỏi Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải thực hiện đường lối đổi mới đất nước của Đảng.

Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trở thành xu thế thế giới; cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng đòi hỏi tỉnh Đắk Lắk phải cùng với các địa phương trong cả nước tiến hành đổi mới toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới kinh tế.



Nêu bối cảnh lịch sử trước khi tỉnh Đắk Lắk tiến hành đổi mới.

2. Đường lối đổi mới của Đảng

Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12/1986). Đường lối đổi mới liên tục được bổ sung, phát triển và hoàn thiện qua các kì đại hội toàn quốc tiếp sau của Đảng.

Quan điểm đổi mới của Đảng là: Kiên trì mục tiêu của chủ nghĩa xã hội; Đổi mới toàn diện và đồng bộ, trọng tâm là đổi mới kinh tế.

Về *đổi mới kinh tế*, Đảng chủ trương xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường; xây dựng nền kinh tế với cơ cấu nhiều ngành, nghề; nhiều quy mô, trình độ công nghệ; phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Em có biết

“Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần.”

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

Về *đổi mới chính trị*, Đảng chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về Nhân dân; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác.



Trình bày quan điểm, nội dung đường lối đổi mới đất nước của Đảng.

3. Các giai đoạn của tiến trình đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk

a. Giai đoạn 1986 – 1996

Quán triệt sâu sắc quan điểm, nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, từ năm 1986 đến năm 1996, *Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lãnh đạo Nhân dân bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng*. Thực hiện phương châm coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực là “bàn đạp”, xuất khẩu là “mũi nhọn”, các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã nhanh chóng đổi mới tư duy kinh tế, chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng; đầu tư phát triển một số loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị xuất khẩu cao như: cà phê, cao su...; khai thác mọi nguồn lực, đổi mới cơ cấu sản xuất, tập trung phát triển kinh tế, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân. Đấu tranh ngăn chặn mọi âm mưu “diễn biến hoà bình” và xoá sổ căn bản tổ chức phản động FULRO, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp đổi mới.

b. Giai đoạn 1996 – 2005

Sau 10 năm đầu thực hiện đổi mới (1986 – 1996), Đắk Lắk đã “giành được những thắng lợi quan trọng trên các lĩnh vực phát triển kinh tế – xã hội; củng cố quốc phòng – an ninh; đổi mới chính đốn Đảng và công tác vận động quần chúng.

Em có biết

8 ĐẶC TRUNG CỦA XÃ HỘI XHCN NHÂN DÂN TA XÂY DỰNG THEO CƯƠNG LĨNH 2011

- 1 Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- 2 Do nhân dân lao động làm chủ
- 3 Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp
- 4 Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 5 Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
- 6 Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
- 7 Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 8 Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

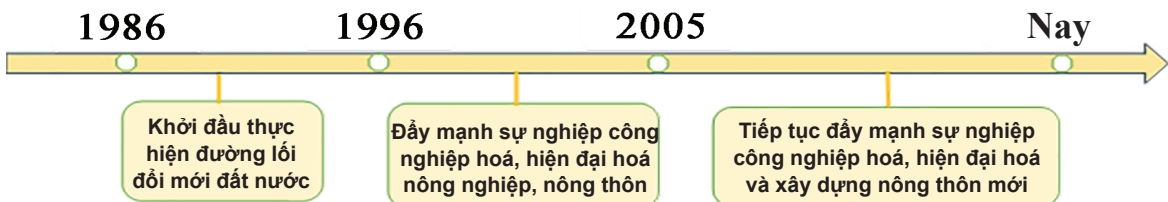


Hình 4.1. Đồng chí Y Ngông Niê KĐăm đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ X, nhiệm kì 1986 – 1991

Tuy nhiên, kinh tế – xã hội của tỉnh còn nhiều hạn chế, có mặt gay gắt.”⁽¹⁾. Trên cơ sở những thành tựu bước đầu đạt được, vận dụng quan điểm “*phát triển kinh tế là trung tâm, ổn định chính trị là nền tảng, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá làm nền tảng tinh thần xã hội*” vào thực tiễn địa phương, từ năm 1996 đến năm 2005, Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk đã lãnh đạo Nhân dân *đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn*, làm cho diện mạo của tỉnh có nhiều thay đổi.

c. Giai đoạn từ 2005 đến nay

Từ giữa thập niên đầu tiên của thế kỉ XXI, xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển và toàn cầu hoá đóng vai trò chủ đạo; nhân loại bước sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Công cuộc đổi mới ở nước ta đạt được nhiều thành tựu quan trọng có ý nghĩa lớn lao, tạo ra sự thay đổi căn bản, toàn diện đời sống xã hội. Phát huy thành quả đạt được sau 20 năm đổi mới, từ năm 2005 đến nay, Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lãnh đạo Nhân dân tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và xây dựng nông thôn mới nhằm xây dựng Đắk Lắk phát triển toàn diện, giàu đẹp, văn minh, bản sắc, xứng đáng với vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên. Tốc độ phát triển kinh tế trong hơn 20 năm luôn duy trì nhịp độ tăng trưởng khá cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ. Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh. Hiệu lực, hiệu quả quản lí Nhà nước được phát huy đã cải thiện mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với Nhân dân, nhất là ở cơ sở.



Hình 4.2. Sơ đồ các giai đoạn của tiến trình đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk



Hình 4.3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kì 2020 – 2025



Nêu nội dung các giai đoạn của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 1986 đến nay.

II. THÀNH TỰU CỦA SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Trải qua hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tỉnh Đắk Lắk đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và đạt nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện, tạo ra nhiều dấu ấn nổi bật trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị, quốc phòng – an ninh,...

1. Về kinh tế

Về kinh tế, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng từ 265 tỉ đồng (năm 1986) lên 85 378 tỉ đồng (năm 2023). Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 38 năm (1986 – 2023) đổi mới ước đạt 9,5%. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tăng dần tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn. Tính riêng 5 năm (2015 – 2020), Đắk Lắk đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 8,75%/năm. Trong đó, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,64%; công nghiệp – xây dựng tăng 9,1%; thương mại – dịch vụ tăng 11,96%.

Xét trên địa bàn Tây Nguyên, quy mô GRDP theo giá hiện hành của vùng Tây Nguyên đạt 287 nghìn tỉ đồng, tăng 14,1 lần so với năm 2002. Trong đó, Đắk Lắk là tỉnh có quy mô GRDP lớn nhất, chiếm 29,6%, thu nhập bình quân đầu người xếp thứ ba (sau tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông).

Bảng 4.1. Cơ cấu GRDP của tỉnh Đắk Lắk phân theo khu vực kinh tế

(Đơn vị: %)

Năm \ Ngành	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
1986	80,00	8,50	11,50
1995	66,40	12,00	21,60
2005	57,18	17,18	25,64
2015	42,58	12,51	45,11
2022	37,22	16,20	46,58

(Nguồn: Niên giám thống kê Đắk Lắk các năm)



Dựa vào các số liệu trong Bảng 4.1, em có nhận xét gì về cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Lắk từ năm 1986 đến năm 2022?

Hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước được nâng cấp đồng bộ, hiện đại, nhất là trong phát triển hạ tầng giao thông kết nối các vùng, khu vực. Sân bay Buôn Ma Thuột được nâng cấp, kết nối các tuyến bay trực tiếp đến nhiều địa phương trong

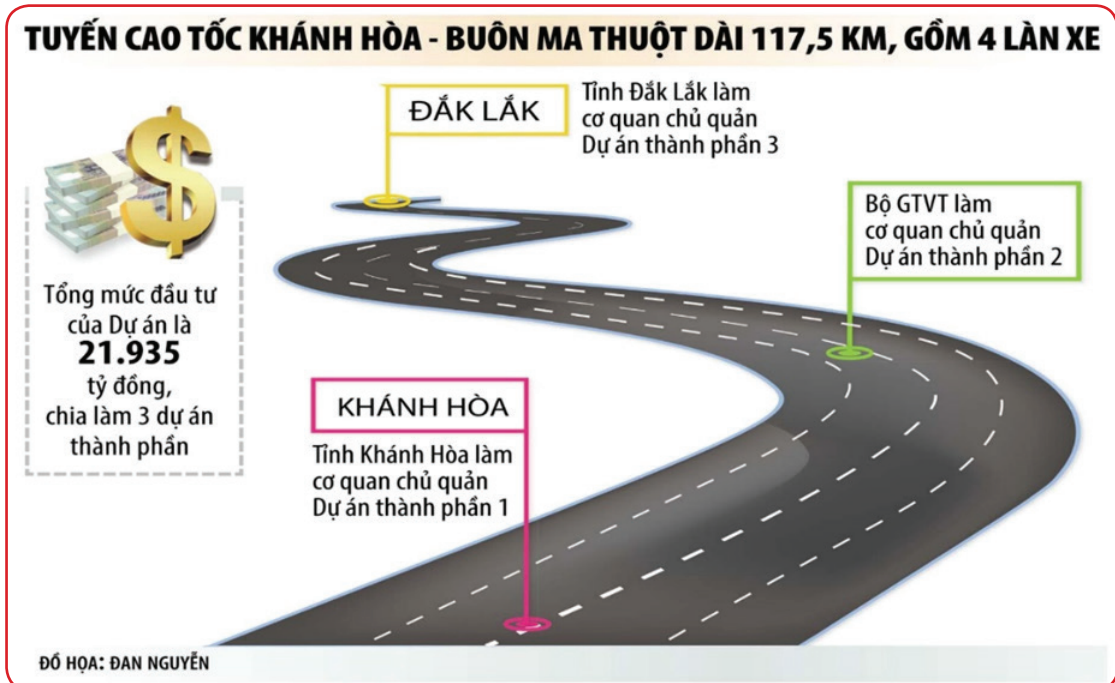
nước. Hệ thống cấp điện đã hoà mạng điện lưới quốc gia ở 100% số huyện, đảm bảo phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên toàn tỉnh. Ngoài thủy điện được khai thác, Đắk Lắk còn phát triển mạnh nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió,... góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Tính đến năm 2022, 100% xã, trên 94,2% số hộ có điện thấp sáng. Hệ thống xử lý và cấp nước sạch được mở rộng, góp phần nâng tỉ lệ

các hộ gia đình sử dụng nước sạch của địa phương lên hơn 98%. Hệ thống thông tin thông suốt, có đường truyền internet tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh; có 11 dịch vụ đô thị thông minh, cung cấp 1 648 dịch vụ công trực tuyến. Tỉ lệ dân cư sử dụng điện thoại di động chiếm hơn 90% và số thuê bao truy cập internet băng rộng chiếm 75% dân số. Bộ mặt các đô thị hoàn toàn đổi mới. Năm 1995, thị xã Buôn Ma Thuột được công nhận là đô thị loại III, đến năm 2010 được nâng lên thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Tỉnh lỵ Buôn Ma Thuột đang mạnh mẽ vươn lên thành đô thị xanh, sinh thái, thông minh, bản sắc, xứng tầm đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên.

Em có biết

Hiện nay, Đắk Lắk có tổng chiều dài các tuyến đường bộ hơn 16 000 km, trong đó có 7 tuyến quốc lộ với tổng chiều dài đang khai thác hơn 684 km. Giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh phấn đấu nhựa hoá hoặc bê tông hoá toàn bộ (100%) tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị; 75% tuyến đường xã, 100% các đường chính trong thôn, buôn, nội đồng có đường nhựa hoặc đổ bê tông xi măng.

(Nguồn: Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk)



Hình 4.4. Thông số tuyến cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột

Hội nhập kinh tế quốc tế: thực hiện đường lối đổi ngoai độc lập, tự chủ, hoà bình và hợp tác; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tỉnh Đắk Lắk đã tổ chức nhiều đoàn xúc tiến thương mại, mở rộng đối

tác đầu tư trực tiếp vào địa phương với hơn 11 quốc gia. Trong 5 năm (2015 – 2020), Đắk Lắk đã kí kết 19 thoả thuận quốc tế với các đối tác nước ngoài trong các lĩnh vực năng lượng xanh, môi trường, giáo dục, viện trợ nhân đạo, ... Qua đó, vận động được 63 khoản viện trợ với tổng trị giá trên 6,8 triệu USD. Quan hệ hợp tác kinh tế giữa Đắk Lắk với tỉnh Mondulkiri (Campuchia) và các tỉnh Nam Lào được duy trì và củng cố.



Hình 4.5. Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắk Lắk năm 2019



Trình bày thành tựu của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk trên lĩnh vực kinh tế từ năm 1986 đến nay.

2. Về văn hoá – xã hội

Về xã hội, các chính sách xã hội thực hiện mang lại hiệu quả rõ rệt. Công tác chăm sóc sức khỏe người dân và an sinh xã hội được quan tâm. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt. GRDP bình quân đầu người năm 2022 (2 437 USD/người) tăng gấp 29,7 lần so với năm 1985 (82 rúp – USD/người), xếp thứ 46 trong 63 tỉnh thành. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo năm 2005) giảm bình quân hàng năm khoảng 2,87%, xuống còn 7,03% (năm 2021). Công tác giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách xã hội đạt kết quả tốt. Năm 2022, tỉ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 0,81%, lao động qua đào tạo chiếm hơn 62% lực lượng lao động tại chỗ.

Bảng 4.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế và GRDP bình quân đầu người ở tỉnh Đắk Lắk

Giai đoạn	2001 – 2005	2005 – 2010	2010 – 2015	2015 – 2020
Tốc độ tăng trưởng trung bình (%)	12,50	12,10	8,00	8,75
Năm	2005	2010	2015	2020
GRDP bình quân đầu người (USD/người/năm)	950	975	1 519	1 945

(Nguồn: Niên giám thống kê Đắk Lắk các năm)

Về văn hoá không ngừng đổi mới về nội dung và hình thức nhằm nâng cao đời sống tinh thần của người dân và góp phần xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn Đắk Lắk. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá được triển khai hiệu quả. Một số lễ hội truyền thống (đua voi, đua thuyền độc mộc, biểu diễn cồng chiêng, lễ Khai hạ, lễ cúng lúa mới, lễ hội Văn hoá Việt Bắc,...) của nhiều dân tộc thiểu số sống trên địa bàn tỉnh được phục dựng. Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột được tổ chức theo định kì 2 năm/lần đã quảng bá rộng khắp thương hiệu Cà phê Buôn Ma Thuột, nâng tầm giá trị và khẳng định vị thế cà phê Việt Nam trên thị trường thế giới. Đặc biệt, từ năm 2005 đến nay, khi Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO ghi danh là *Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại*, Chính quyền và đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ đã chú trọng đầu tư sức người, sức của và lan toả rộng khắp giá trị văn hoá độc đáo của vùng Tây Nguyên đến với bạn bè trong và ngoài nước.



Hình 4.6. Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột năm 2019

Giáo dục – đào tạo phát triển vượt bậc theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện. Trong đó, chú trọng giáo dục nghề nghiệp, xuất khẩu lao động có tay nghề; bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngành Giáo dục tỉnh Đắk Lắk đã hoàn thành và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học (năm 1999) và Trung học cơ sở (năm 2009). Tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có hơn 51,6% (529/1025) trường học đạt Chuẩn quốc gia. Tỷ lệ thôn, buôn có điểm trường hoặc nhà mẫu giáo tăng từ 35% (năm 2008) lên 79,13% (năm 2020). Công tác xã hội hoá giáo dục – đào tạo được đẩy mạnh, góp phần hình thành một số cơ sở giáo dục – đào tạo hiện đại. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn được nâng cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục được đẩy mạnh. Hệ thống các trường đại học, phân hiệu học viện, phân hiệu đại học,... đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, khu vực và hai nước bạn Lào, Campuchia.

Mạng lưới y tế được chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị kĩ thuật hiện đại. Đội ngũ y bác sĩ tăng lên khá nhanh cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 2022, số lượng bác sĩ đạt tỷ lệ 8,08 bác sĩ trên 10 000 dân. Đến năm 2018, 100% xã/phường/thị trấn trong tỉnh có y, bác sĩ và đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Công tác phòng, chống dịch bệnh được chủ động triển khai hiệu quả. Mô hình hợp tác công – tư trong khám, chữa bệnh đã góp phần nâng số giường bệnh trên một vạn dân lên 33,78 giường/1 vạn dân (năm 2021). Các chương trình mục tiêu y tế (dân số, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ

em), kế hoạch hoá gia đình và công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ cho cộng đồng đạt hiệu quả khá cao. Tốc độ tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn 0,83% (năm 2022). Mô hình gia đình văn hoá mới làm cho cuộc sống gia đình được ấm no và hạnh phúc.



Hình 4.7. Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên



Trình bày thành tựu của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk trên lĩnh vực văn hóa – xã hội từ năm 1986 đến nay.

3. Về chính trị, quốc phòng – an ninh

Tình hình chính trị ở tỉnh Đắk Lắk tiếp tục được củng cố và căn bản ổn định. Sức chiến đấu của tổ chức Đảng được nâng cao. Bộ máy hành chính các cấp được tổ chức sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả và thân thiện. Ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá nền hành chính nhằm xây dựng chính quyền điện tử. Năm 2023, 100% sở, ngành, địa phương thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông. Việc thực hiện chuyển đổi số diễn ra với tốc độ khá nhanh trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.



Hình 4.8. Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Y Dhăm Ênuôl tặng Bằng khen của UBND tỉnh cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, tháng 11/2014.

Trước sức mạnh truy quét của các lực lượng vũ trang, tháng 10/1992, FULRO tuyên bố giải tán tổ chức, chấm dứt công khai chống phá cách mạng ở vùng Tây Nguyên. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chính trị to lớn, góp phần đập tan âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc thiểu số chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Bước sang thế kỉ XXI, Đảng bộ, Chính quyền, các lực lượng vũ trang và Nhân dân trong tỉnh đã dẹp yên các cuộc bạo động chính trị âm mưu lật đổ chính quyền, thành lập “Nhà nước Đèga” (năm 2001 và năm 2004) của các thế lực phản động trong và ngoài nước; đấu tranh xoá bỏ tổ chức “Tin lành Đèga”, ổn định tình hình an ninh chính trị – xã hội trên địa bàn và khu vực Tây Nguyên. Khối đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được duy trì, giữ vững và củng cố.

Quốc phòng – An ninh được tăng cường tiềm lực ngày càng vững chắc. Thế trận an ninh Nhân dân được củng cố, phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng. An ninh vùng biên giới được củng cố. Sau 10 năm thực hiện thoả thuận biên giới, đến năm 2017 tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Mondulkiri hoàn thành phân giới, cắm mốc biên giới có chiều dài hơn 73 km, với 7/7 vị trí, gồm 11 cột mốc chính. Sự kiện này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là nền tảng pháp lí để xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững của hai nước; kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả tình trạng vượt biên trái phép. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuần tra, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia và cho nhân dân hai nước làm ăn, sinh sống yên bình.



Em có nhận xét gì về tình hình chính trị, quốc phòng – an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay?

III. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

1. Ý nghĩa lịch sử

Sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tỉnh Đắk Lắk đã có những bước tiến dài chưa từng thấy trong lịch sử: vùng đất, xã hội và con người đều đổi mới.

Những thành tựu to lớn mà tỉnh Đắk Lắk đạt được đã góp phần khẳng định đường lối đổi mới đất nước của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; phù hợp thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại.

Công cuộc đổi mới ở Đắk Lắk đã làm cho nền kinh tế phát triển nhanh chóng, tình hình chính trị – xã hội ổn định, đời sống Nhân dân được nâng cao rõ rệt. Những thành tựu đạt được đã tạo ra nền tảng vững chắc cho Đắk Lắk tiếp tục vươn cao, vươn xa hơn nữa nhằm xứng đáng với vị thế “đầu tàu” của khu vực Tây Nguyên.

Những thành tựu trong công cuộc đổi mới của tỉnh Đắk Lắk cũng để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân tỉnh vững bước trên con đường tiếp tục sự nghiệp đổi mới.

Thành tựu to lớn mà tỉnh Đắk Lắk đạt được trên nhiều lĩnh vực còn góp phần củng cố niềm tin và tạo ra động lực cho các giai đoạn tiếp theo của sự nghiệp đổi mới ở địa phương.



Nêu ý nghĩa của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 1986 đến nay.

2. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 1986 đến nay

Từ thực tiễn trong hơn 35 năm tiến hành đổi mới, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:

Một là, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nguyên tắc nhất quán được thực hiện trong quá trình đổi mới của Đảng ta là kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, bảo đảm độc lập dân tộc.

Đối với Đắk Lắk, nguyên tắc này là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt trong văn kiện của các kì đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk trong thời kì đổi mới, bảo đảm ổn định an ninh – chính trị, xây dựng Đắk Lắk trở thành một tỉnh: Dân giàu, Tỉnh mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức, cách làm phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương.

Công cuộc đổi mới mang tầm vóc của một cuộc cách mạng. Vì vậy, đổi mới phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực, từ cấp tỉnh xuống cấp huyện, thị đến các cơ sở xã, phường, thôn, buôn.

Muốn đổi mới có hiệu quả, vừa phát triển nhanh, mạnh và vững chắc về kinh tế – văn hoá – xã hội, vừa bảo đảm ổn định chính trị – xã hội, cần có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp với đặc thù của địa phương và xu thế phát triển chung của đất nước. Kiên trì thực hiện phương châm, lấy phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá – nền tảng tinh thần của xã hội

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của Nhân dân, tin tưởng và dựa vào Nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Nhân dân.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Mục đích đổi mới là vì lợi ích của Tổ quốc, vì lợi ích của Nhân dân. Vì vậy, phải nắm vững và hiện thực hoá quan điểm “lấy dân làm gốc” của Đảng trong suốt quá trình đổi mới. Thông qua tổ chức chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng, không ngừng củng cố, thắt chặt hơn khối đoàn kết toàn dân. Đảng bộ và Chính quyền các cấp phải hết sức thận trọng khi giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai,... Kiên quyết không tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng để phá hoại khối đại đoàn kết của đồng bào ta, cản trở đất nước ta, Nhân dân ta vững bước trên con đường đổi mới.

Bốn là, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh của tỉnh với sức mạnh của cả dân tộc và sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Đắk Lắk nằm ở trung tâm Tây Nguyên, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có nền văn hoá đa dạng, giàu bản sắc và có nguồn lao động dồi dào, năng động và sáng tạo. Đó những thuận lợi cơ bản, lâu dài, tạo điều kiện cho Đảng bộ,

Chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh khai thác hiệu quả tiềm năng, phát huy lợi thế; mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, thúc đẩy hội nhập quốc tế; tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhằm xây dựng tỉnh Đắk Lắk ngày càng giàu đẹp, văn minh, bản sắc, xứng đáng vị trí trung tâm vùng.

Năm là, coi trọng phát triển kinh tế – xã hội phải đi đôi với củng cố quốc phòng – an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đắk Lắk là một tỉnh có vị chiến lược quan trọng của vùng Tây Nguyên. Trong quá trình lãnh đạo tỉnh tiến hành đổi mới, mọi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn đều phải tính đến hiệu quả kinh tế – xã hội gắn chặt với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng – an ninh.

Kinh tế – xã hội phát triển là điều kiện, tiền đề để tăng cường tiềm lực quốc phòng – an ninh, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Ngược lại, bảo đảm quốc phòng – an ninh, ổn định trật tự xã hội sẽ tạo một trường thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới.



Nêu các bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 1986 đến nay.

ĐỌC THÊM

"ĐẤT NƯỚC TA CHƯA BAO GIỜ CÓ ĐƯỢC TIỀM LỰC, VỊ THẾ VÀ UY TÍN QUỐC TẾ NHƯ NGÀY NAY"

"Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), lí luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới.

Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại! Nhân dân ta thật là anh hùng! Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kì của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa

xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lí luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc Đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.”

Trích *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII* do Cố Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trình bày tại phiên khai mạc Đại hội XIII, sáng ngày 26/1/2021.



LUYỆN TẬP

1. Nêu những thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 1986 đến nay.
2. Trong các bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 1986 đến nay, em tâm đắc với bài học nào nhất? Tại sao?



VẬN DỤNG

1. Sưu tầm số liệu trên địa bàn để hoàn thành bảng thống kê theo mẫu sau:

Năm:

Tên địa bàn	Dân số	GRDP (triệu đồng)	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	Tỉ lệ hộ nghèo (%)	Số trường mầm non và trường phổ thông	Số cơ sở y tế, bác sĩ và y sĩ
Xã/phường/ thị trấn						
Huyện/thị/ thành phố						

2. Hãy viết một bài giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu (về kinh tế, văn hoá – xã hội...) gắn liền với công cuộc đổi mới ở địa phương nơi em đang sinh sống.

LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM Ở ĐẮK LẮK



MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được cơ cấu nguồn lao động theo thành thị và nông thôn, theo ngành, theo thành phần kinh tế ở tỉnh Đắk Lắk.
- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm ở tỉnh Đắk Lắk;
- Phát triển được năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh.



MỞ ĐẦU

Tỉnh Đắk Lắk với lợi thế giàu tiềm năng về điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội phát triển năng động, nằm trong tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia, có Buôn Ma Thuột là thành phố lớn nhất khu vực Tây Nguyên và là đô thị miền núi có dân số đông nhất nước ta, tỉnh Đắk Lắk đã và đang trở thành nơi thu hút nguồn lao động đến cư trú và làm việc.



Vậy em có những hiểu biết gì về đặc điểm nguồn lao động của tỉnh Đắk Lắk hiện nay không? Chất lượng nguồn lao động của tỉnh như thế nào?



KIẾN THỨC MỚI

1. Đặc điểm nguồn lao động

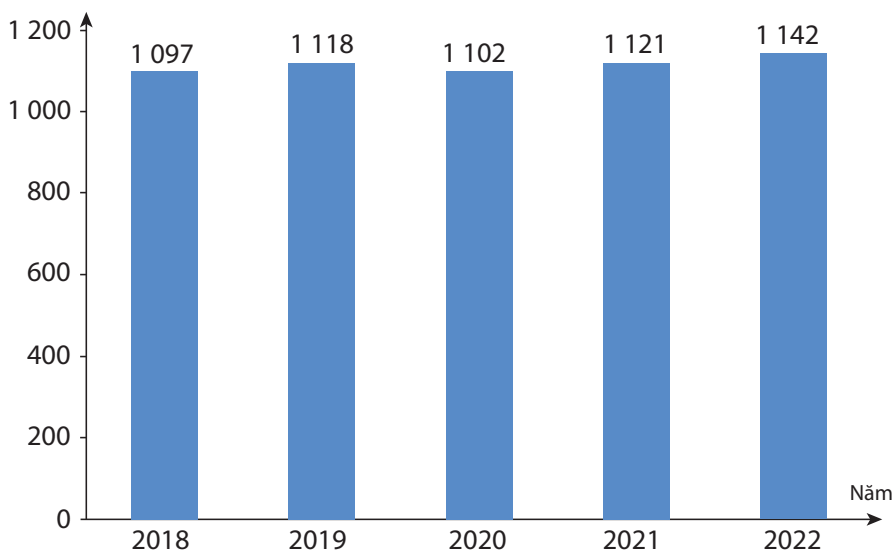


Dựa vào hình 5.1, 5.2, 5.3 và thông tin trong bài, em hãy trình bày các đặc điểm nguồn lao động tỉnh Đắk Lắk.

a) Quy mô nguồn lao động

Đắk Lắk có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1 141 859 người, chiếm 60% dân số của tỉnh (năm 2022). Cùng với gia tăng dân số, lực lượng lao động của tỉnh đang có xu hướng ngày càng tăng. Nguồn lao động dồi dào là điều kiện để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế, đồng thời cũng tạo áp lực lớn trong giải quyết các vấn đề về việc làm, y tế, nhà ở,... cho người lao động.

Nguồn lao động (nghìn người)



Hình 5.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 – 2022
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2022)

b) Chất lượng nguồn lao động

Chất lượng nguồn lao động của tỉnh Đắk Lắk không ngừng nâng cao, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Nguồn lao động ở tỉnh Đắk Lắk có trình độ chuyên môn với tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo đạt 18% (năm 2022), chất lượng nguồn lao động tăng đáng kể, tăng hơn 1,4 lần so với năm 2010.

Bảng 5.1. Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo của tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2010 - 2022

Năm	2010	2015	2020	2021	2022
Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên (%)	12,4	13,3	17,2	18,3	18,0

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2022)



Hình 5.2. Phơi cà phê
(Ảnh: Bảo Hưng)



Hình 5.3. Chế biến gỗ ở Công ty Cổ phần
Chế biến gỗ Trường Thành, Ea H'leo.
(Ảnh: Trần Thị Mùi)

Trong đó, tỉ lệ lao động nam đã qua đào tạo cao hơn so với tỉ lệ lao động nữ đã qua đào tạo (tỉ lệ lao động nam là 20,07%, tỉ lệ nữ đạt 15,78%). Hiện nay, nhu cầu xã hội hiện đại đòi hỏi nguồn lao động cần có trình độ cao hơn, nhất là trong bối cảnh thành phố Buôn Ma Thuột là cực phát triển của Tây Nguyên, hội nhập và liên kết theo hướng mở với khu vực và quốc tế thì tỉ lệ lao động đã qua đào tạo, có trình độ chuyên môn của tỉnh vẫn còn chưa đảm bảo.

Nhìn chung, chất lượng lao động của tỉnh trong thời gian qua không ngừng nâng cao nhờ những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao, chú trọng trong giáo dục đào tạo nghề.

2. Cơ cấu nguồn lao động



Dựa vào bảng 5.2, hình 5.4 và thông tin trong bài, em hãy:

- Phân tích cơ cấu nguồn lao động của tỉnh Đắk Lắk.
- Nhận xét xu hướng chuyển dịch cơ cấu nguồn lao động theo giới tính, theo thành thị và nông thôn, theo thành phần kinh tế, theo ngành kinh tế của tỉnh Đắk Lắk.

a) Theo giới tính, theo thành thị và nông thôn

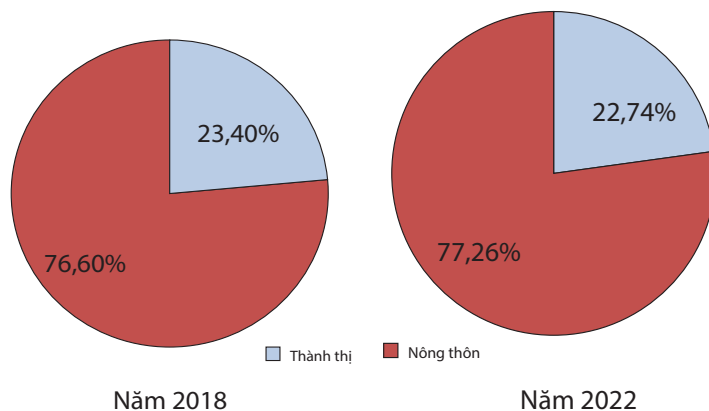
Cơ cấu lực lượng lao động theo giới tính của tỉnh Đắk Lắk không có sự chênh lệch nhiều, tỉ lệ lao động nam nhiều hơn so với lao động nữ, với số lao động nam gấp gần 1,06 lần so với số lao động nữ (năm 2022). Tuy nhiên, tỉ lệ này đang có xu hướng cân bằng với tỉ lệ lao động nữ ngày càng tăng.

Bảng 5.2. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính của tỉnh Đắk Lắk, năm 2022

Đơn vị	Theo giới tính	
	Nam	Nữ
Số người (người)	585 259	556 600
Tỉ lệ (%)	51,25	48,75

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2022)

Nguồn lao động phân bố không đồng đều, phần lớn lao động phân bố ở khu vực nông thôn với tỉ lệ rất cao, chiếm hơn 77% (năm 2022). Cơ cấu nguồn lao động theo thành thị, nông thôn chênh lệch lớn sẽ gây trở ngại không nhỏ trong giải quyết việc làm cho người lao động.



Hình 5.4. Cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn của tỉnh Đắk Lắk, năm 2018 và năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2022)

b) Theo thành phần kinh tế

Lao động của tỉnh Đắk Lắk làm việc trong khu vực ngoài Nhà nước là chủ yếu, chiếm 92,36%, tiếp theo là lao động làm việc trong khu vực kinh tế Nhà nước chiếm 7,59%, lao động làm việc trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hầu như không đáng kể, chỉ dao động trong khoảng 0,1% (năm 2022). Tỷ lệ lao động ngoài Nhà nước đang tăng nhanh, trong khi đó tỷ lệ lao động trong khu vực Nhà nước đang có xu hướng giảm dần.

Bảng 5.3. Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2010 – 2022

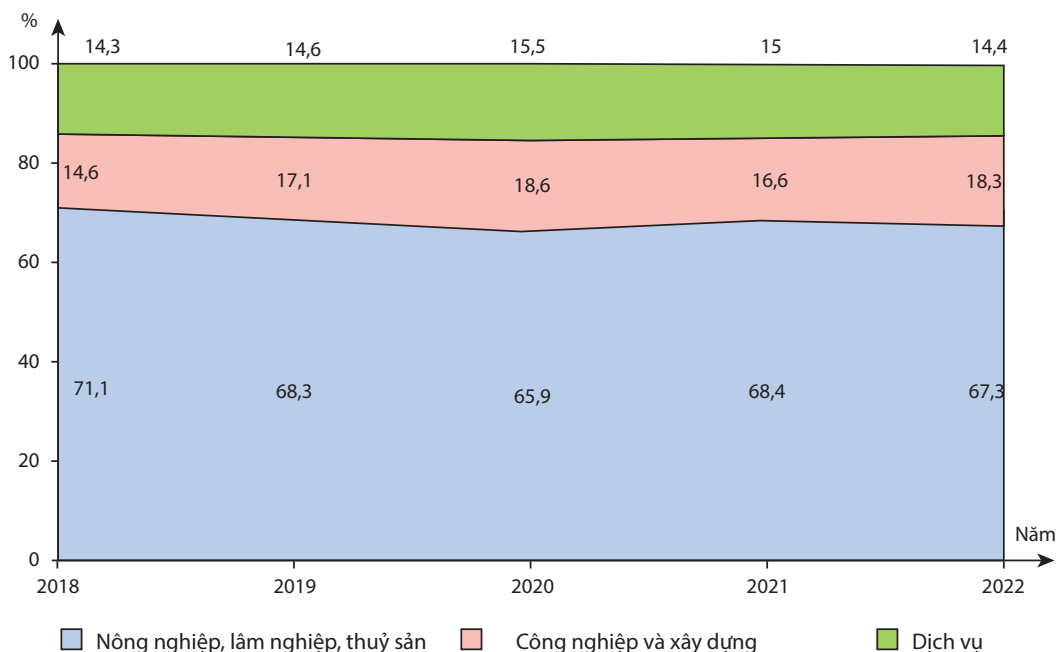
(Đơn vị: %)

Năm	Nhà nước	Ngoài nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
2010	9,6	90,3	0,1
2014	9,33	90,64	0,03
2018	7,95	91,99	0,06
2022	7,59	92,36	0,05

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2022)

c) Theo ngành kinh tế

Lao động của tỉnh Đắk Lắk chủ yếu làm việc trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 67,3% (năm 2022). Nguồn lao động đang có sự chuyển dịch phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Đắk Lắk. Tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm, tỷ lệ lao động ở khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có xu hướng ngày càng tăng.



Hình 5.5. Cơ cấu lao động (%) phân theo ngành kinh tế của tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018 – 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2022)

3. Vấn đề việc làm



Dựa vào bảng 5.4, hình 5.6, 5.7, em hãy phân tích tình hình vấn đề việc làm ở tỉnh Đắk Lắk

Hiện nay, vấn đề việc làm đang là một trong những mối quan tâm hàng đầu của tỉnh Đắk Lắk. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động cao hơn so với trung bình cả nước (hơn 1,9 lần, năm 2022). Ở nông thôn, tình trạng thiếu việc làm phổ biến hơn khu vực thành thị, tương ứng tỷ lệ thiếu việc làm lần lượt là 4,27% và 4,12% (năm 2022). Bên cạnh đó, nhiều lĩnh vực đòi hỏi nguồn lao động lành nghề, có trình độ chuyên môn cao, gây sức ép tới chính sách thu hút lao động, xây dựng các cơ sở đào tạo giáo dục chất lượng; thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật,...

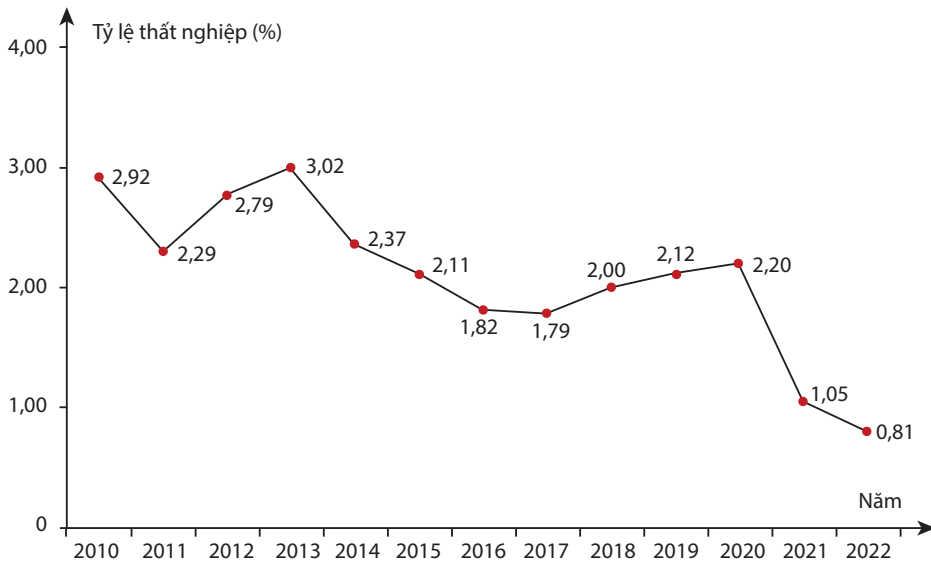
Bảng 5.4. Tỷ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp của nguồn lao động trong độ tuổi lao động ở tỉnh Đắk Lắk và cả nước, năm 2022

(Đơn vị: %)

	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tỷ lệ thất nghiệp
Tỉnh Đắk Lắk	4,23	0,81
Cả nước	2,21	2,34

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk và Niên giám thống kê Việt Nam, năm 2022)

So với các địa phương khác ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp của nguồn lao động trong độ tuổi lao động của tỉnh thấp, so với cả nước tỉ lệ này ít hơn 2,8 lần. Chất lượng việc làm của người lao động trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nguồn việc làm chưa bền vững và thu nhập thấp còn nhiều, người lao động có trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề cao còn ít.



Hình 5.6. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 – 2022.

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2022)

Theo Quyết định 121/QĐ-TTg ban hành ngày 18/10/2024 về *Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, về phát triển nguồn nhân lực đã đưa ra 5 chính sách, giải pháp thực hiện sau: a) Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu từng thời kỳ phát triển của tỉnh, phù hợp xu thế phát triển chung của vùng, cả nước. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất Trường Đại học Tây Nguyên trở thành trung tâm, động lực phát triển giáo dục đại học cho vùng. Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường đại học tại tỉnh Đắk Lắk trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của tỉnh và vùng Tây Nguyên; b) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp. Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, bảo đảm năng lực ở mọi lĩnh vực; c) Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục trong tổng ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả. Đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích liên kết hợp tác với các tổ chức giáo dục nước ngoài có uy tín. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về kỹ năng, chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, đào tạo và dạy nghề; d) Phát triển thị trường lao

động theo hướng ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng, thiết bị và hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến; đ) Củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp sử dụng lao động, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực giữa doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi nhằm tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn.



Học viên thực hành xây dựng dân dụng



Học viên thực tập cắt may, trong chương trình đào tạo nghề nông thôn

*Hình 5.7. Một số hoạt động giáo dục nghề nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk
(Nguồn: <https://tapchilaodong.vn/dak-lak-ty-le-lao-dong-qua-dao-tao-dat-62-1325730.html>)*



LUYỆN TẬP

1. Nguồn lao động tạo những thuận lợi và khó khăn gì cho tỉnh Đắk Lắk trong quá trình phát triển?
2. Sơ đồ hoá những vấn đề việc làm hiện nay của tỉnh Đắk Lắk.



VẬN DỤNG

Lựa chọn, thực hiện một trong các nhiệm vụ học tập sau:

1. Người lao động ở địa phương em đang sống chủ yếu hoạt động trong ngành kinh tế nào? Hãy viết bài báo cáo ngắn về vấn đề trên. Chia sẻ với các bạn trong lớp.
2. Sưu tầm các thông tin về một cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề hiện nay ở tỉnh Đắk Lắk.
3. Là công dân của tỉnh Đắk Lắk, em có những dự định nghề nghiệp tương lai nào để đóng góp cho phát triển kinh tế của tỉnh? Hãy nêu ngắn gọn ba lí do em lựa chọn nghề nghiệp đó.

ĐẮK LẮK TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



MỤC TIÊU

- Trình bày được quá trình và thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đắk Lắk.
- Phân tích được cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được chủ trương và chính sách của tỉnh Đắk Lắk trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thời gian sắp tới.



MỞ ĐẦU

Trong thời gian qua, tỉnh Đắk Lắk đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế – xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội được phát huy tối đa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thì tồn tại không ít thách thức đối với tỉnh. Để tận dụng hết tiềm năng của quá trình hội nhập, tỉnh Đắk Lắk đã đề ra những chủ trương, chính sách phát triển gì để trở thành trung tâm của vùng Tây Nguyên?



Hình 6.1. Cà phê Đắk Lắk xuất khẩu. (Ảnh: Nguyễn Văn Hùng)



Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết:

1. Kể tên một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh Đắk Lắk.
2. Kể tên một số thương hiệu quốc tế, nhãn hàng uy tín đã có trên thị trường Đắk Lắk.



KIẾN THỨC MỚI

I. QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA TỈNH ĐẮK LẮK

1. Vai trò của hội nhập kinh tế quốc tế



Đọc thông tin, quan sát hình ảnh, em hãy cho biết:

- Tại sao nói hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu, khách quan đối với tỉnh Đắk Lắk trong quá trình phát triển?*
- Lấy ví dụ minh họa cho những vai trò mà em thấy thể hiện rõ nhất.*

Hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế tất yếu, khách quan của bất kì quốc gia và khu vực kinh tế nào, dù đó là quốc gia hay khu vực kinh tế phát triển hay chưa phát triển, giàu hay nghèo, nhỏ hay lớn. Về cơ bản, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đối với tỉnh Đắk Lắk có những vai trò chính yếu sau đây:

- Mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hoá và dịch vụ của tỉnh.
- Tiếp cận nhanh các thành tựu khoa học – công nghệ từ các nước tiên tiến.
- Thu hút ngày càng nhiều các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.
- Tiếp thu kinh nghiệm quản lí, thu hút đội ngũ lao động, đội ngũ quản lí chất lượng cao về làm việc; góp phần thay đổi tác phong lao động của nguồn nhân lực trong nước.
- Tạo nhiều việc làm, góp phần tăng thu nhập cho người dân, ổn định an sinh xã hội.
- Có cơ hội tiếp cận với hàng hoá có thương hiệu quốc tế, dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh,...

2. Một số kết quả tiêu biểu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hoá, quốc phòng – an ninh đối với vùng và cả nước. Thời gian qua, nhờ sự quan tâm, hỗ trợ thường xuyên từ Trung ương, sự đoàn kết, nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân địa phương, tỉnh Đắk Lắk đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 20 năm qua (2002 – 2022) đạt khoảng 13,8%/năm, cơ cấu nền kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực (tỉ trọng khu vực nông nghiệp giảm, tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ gia tăng). Năm 2022, quy mô tổng sản phẩm GRDP năm 2022 theo giá hiện hành đạt

107 868 tỉ đồng. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 40 147 tỉ đồng, chiếm 37,22% trong giá trị tổng sản phẩm; Khu vực công nghiệp – xây dựng đạt 17 478 tỉ đồng, chiếm 16,20%; Khu vực dịch vụ đạt 45 598 tỉ đồng, chiếm 42,27%. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 4 645 tỉ đồng, chiếm 4,31% trong giá trị tổng sản phẩm.



Hình 6.2. Công nhân may mặc tại Khu công nghiệp Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột. (Ảnh: Nguyễn Văn Hùng)



Hình 6.3. Sơ chế hạt mắc ca tại huyện Krông Năng. (Ảnh: Nguyễn Gia, Báo Đắk Lắk)

2. Một số kết quả tiêu biểu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hoá, quốc phòng – an ninh đối với vùng và cả nước. Thời gian qua, nhờ sự quan tâm, hỗ trợ thường xuyên từ Trung ương, sự đoàn kết, nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân địa phương, tỉnh Đắk Lắk đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể:

– Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 20 năm qua (2002 – 2022) đạt khoảng 13,8%/năm, cơ cấu nền kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực (tỉ trọng khu vực nông nghiệp giảm, tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ gia tăng). Năm 2022, quy mô tổng sản phẩm GRDP năm 2022 theo giá hiện hành đạt 107 868 tỉ đồng. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 40 147 tỉ đồng, chiếm 37,22% trong giá trị tổng sản phẩm; Khu vực công nghiệp – xây dựng đạt 17 478 tỉ đồng, chiếm 16,20%; Khu vực dịch vụ đạt 45 598 tỉ đồng, chiếm 42,27%. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 4 645 tỉ đồng, chiếm 4,31% trong giá trị tổng sản phẩm.

– Khu vực sản xuất nông nghiệp đạt mức tăng trưởng khá, tiếp tục đóng vai trò là bệ đỡ của nền kinh tế trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid-19. Năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,94% so với năm 2021. Tỉnh đã kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh và chăm lo đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách hội trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người có công với cách mạng. Chất lượng giáo dục, y tế và đời sống văn hoá, tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

– Các hoạt động văn hoá, xã hội, chăm sóc sức khoẻ người dân, an sinh xã hội được bảo đảm và không ngừng cải thiện. Nền quốc phòng – an ninh được giữ vững, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội. Bên cạnh đó, tiềm lực kinh tế của tỉnh không ngừng gia tăng, hệ thống kết cấu hạ tầng, giao thông vận tải từng bước được nâng cấp đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường giao thông kết nối các vùng, các khu vực lân cận (đường cao tốc Khánh Hoà – Buôn Ma Thuột, dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh qua phía đông thành phố Buôn Ma Thuột, đường Trường Sơn Đông, các dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 29, tỉnh lộ 1, 2, 3,...).

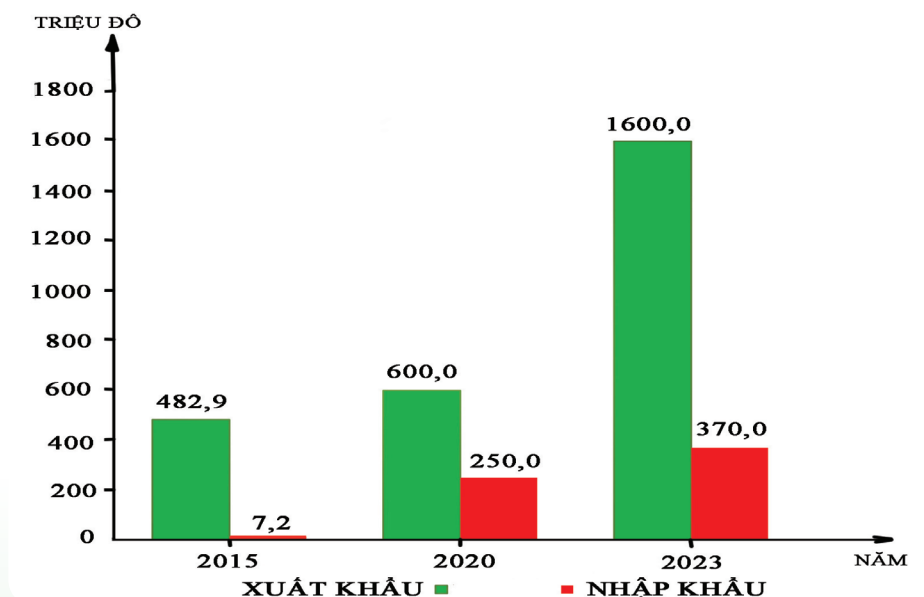


Hình 6.4. Các đại biểu bấm nút khởi công Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hoà – Buôn Ma Thuột.
(Nguồn: Báo Đắk Lắk)



Hình 6.5. Lãnh đạo UBND tỉnh Đắk Lắk tiếp xã giao Đại sứ quán Lào tại Việt Nam.
(Nguồn: Báo Đắk Lắk)

– Kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh tăng trưởng khá với cơ cấu hàng hoá xuất, nhập khẩu ngày càng đa dạng, bước đầu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ các hoạt động sản xuất trong và ngoài tỉnh.



Hình 6.6. Kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh Đắk Lắk qua các năm

– Hoạt động cải cách hành chính được chú trọng; hiệu quả điều hành của bộ máy chính quyền các cấp được nâng lên rõ rệt. Đồng thời, tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm. Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng và mang lại một số kết quả khả quan, hoạt động hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng trên nhiều lĩnh vực (ngoại giao nhân dân, văn hoá, khoa học, giáo dục,...).

II. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA TỈNH ĐẮK LẮK.

Quá trình hội nhập kinh tế nói riêng và toàn cầu hoá nói chung là xu hướng tất yếu của thời đại, là nhu cầu cần cho sự phát triển của bất cứ tỉnh, thành nào của nước ta. Trong quá trình hội nhập đó đã xuất hiện không ít cơ hội, thuận lợi tỉnh Đắk Lắk cần phát huy tối đa đan xen những thách thức, khó khăn cần khắc phục để phát triển, cụ thể:

1. Cơ hội



Dựa vào kiến thức bản thân và thông tin trong bài, em hãy:

- Cho biết những cơ hội đối với tỉnh Đắk Lắk trong quá trình hội nhập.
- Lấy ví dụ minh họa.

– Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đắk Lắk đa dạng, phong phú, rất thuận lợi để phát triển một nền kinh tế đa ngành nghề. Nhờ có hội nhập quốc tế, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và điều kiện tự nhiên của tỉnh được khai thác và sử dụng ngày càng hiệu quả. Tài nguyên đất đai rộng lớn, phì nhiêu, rất thích hợp phát triển các cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, tiêu, điều,...), cây lương thực (lúa, ngô), cây ăn trái chất lượng cao (sầu riêng, bơ, nhãn,...). Tài nguyên khí hậu và thủy văn khá thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp toàn diện với cơ cấu cây trồng và vật nuôi đa dạng, từ khu vực nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới. Một số loại tài nguyên khoáng sản (sét gạch ngói, sét cao lanh, cát và đá xây dựng,...) có trữ lượng khá, tạo tiền đề quan trọng cho phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, chế biến công nghiệp.



Hình 6.7. Rừng cao su.
(Ảnh: Nguyễn Minh Hiếu)



Hình 6.8. Khai thác vật liệu xây dựng.
(Nguồn: Báo Đắk Lắk)

– Điều kiện kinh tế – xã hội

+ Là tỉnh có dân số đông nhất khu vực Tây Nguyên, Đắk Lắk có nguồn cung cấp lao động dồi dào, chất lượng lao động ngày càng được nâng cao, đồng thời là thị trường tiêu thụ rộng lớn (quy mô dân số lớn, sức tiêu thụ tăng nhanh, thu nhập đang cải thiện,...). Năm 2022, dân số của tỉnh là 1 918 440 người (xếp thứ 9 cả nước theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022), mật độ dân số đạt 147 người/km², trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Đắk Lắk là 1 141 859 người, chiếm gần 60% dân số. Người lao động trên địa bàn tỉnh cần cù, chịu khó, ham học hỏi, sáng tạo, thích ứng nhanh với công nghệ mới, giá nhân công cạnh tranh,... là những yếu tố tiềm năng góp phần thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước đến Đắk Lắk. Đây được xem là nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá tỉnh nhà, thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra tiềm năng thu hút đầu tư, góp phần cải cách hành chính và thực hiện nhiều chủ trương, chính sách chủ động hội nhập kinh tế của tỉnh. Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh ngày càng nhiều, góp phần thay đổi bộ mặt kinh tế, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Năm 2022, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 35 737 tỉ đồng, bao gồm: vốn khu vực Nhà nước đạt 7 238 tỉ đồng; khu vực ngoài Nhà nước đạt 26 284 tỉ đồng; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2 215 tỉ đồng.

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 150 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu môi trường và cơ hội đầu tư tại tỉnh, trong đó có những nhà đầu tư nhiều tiềm năng như: Tập đoàn SunGroup, Tập đoàn Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, Tập đoàn Xuân Thiện, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T,...

+ Cơ sở hạ tầng và vật chất kĩ thuật trên địa bàn tỉnh được đầu tư ngày càng hoàn thiện và phát huy tốt hiệu quả sử dụng. Mạng lưới giao thông vận tải, bưu chính – viễn thông, thủy lợi, thủy điện, y tế, giáo dục,... của tỉnh Đắk Lắk đã, đang và sẽ tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.



Hình 6.9. Hạ tầng giao thông trung tâm ở tỉnh Đắk Lắk. (Ảnh: Nguyễn Minh Hiếu)



Hình 6.10. Trung tâm Răng hàm mặt - Thẩm mỹ thuộc Bệnh viện Đại học Y dược Buôn Ma Thuột. (Ảnh: Nguyễn Minh Hiếu)

+ Nhờ có hội nhập kinh tế quốc tế, tỉnh Đắk Lắk có cơ hội mở rộng thị trường, giao lưu, trao đổi mua bán với các nước, các khu vực và tổ chức kinh tế quốc tế lớn. Với vị trí địa lý nằm ở trung tâm khu vực Tây Nguyên – khu vực đang có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định trong nhiều năm qua, tiếp giáp Cam-pu-chia với các cửa khẩu quốc gia, lối mở khác dọc biên giới hai nước, tỉnh Đắk Lắk có nhiều thuận lợi cho các hoạt động giao thương, vận chuyển hàng hoá và dịch vụ.

2. Thách thức



Dựa vào thông tin trong bài và hiểu biết bản thân, em hãy:

- Phân tích các thách thức đối với tỉnh Đắk Lắk trong quá trình hội nhập.
- Lấy ví dụ minh hoạ cho từng thách thức đó.

– *Biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan*

Thời gian gần đây, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế (hạn hán diễn ra trên diện rộng, sâu bệnh lây lan,... khiến sản xuất nông nghiệp bị giảm sút sản lượng, các hoạt động kinh tế du lịch, dịch vụ bị ảnh hưởng). Tài nguyên nước chưa được khai thác hiệu quả, phân bố rải rác và có nguy cơ giảm sút do khai thác quá mức, nhất là khai thác nguồn nước ngầm phục vụ nông nghiệp và sinh hoạt. Thách thức về biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ tiếp tục tác động tiêu cực đến kinh tế – xã hội của tỉnh, đặc biệt là ngành nông nghiệp.



Hình 6.11. Hồ Lò Ô (xã Cư Bông, huyện Ea Kar) vẫn cạn trơ đáy trong mùa mưa (ảnh chụp vào tháng 6/2024). (Nguồn: Báo Đắk Lắk)

– *Điều kiện kinh tế – xã hội*

+ Chất lượng nguồn lao động chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của tỉnh Đắk Lắk. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ,... của lực lượng lao động chưa cao, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của nền kinh tế và hiệu quả làm việc trong các doanh nghiệp. Năm 2022, tỉ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo của tỉnh Đắk Lắk có bằng cấp chứng chỉ, đạt 17,98% trong tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, ý thức kỉ luật lao động và tác phong làm việc chưa thật sự chuyên nghiệp sẽ là những hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Trình độ phát triển kinh tế – xã hội chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế sâu và rộng. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển

dịch cơ cấu nội bộ từng ngành, lĩnh vực vẫn còn khá chậm, chưa đảm bảo phát triển bền vững. Số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô chủ yếu là vừa, nhỏ và siêu nhỏ, còn thiếu kinh nghiệm quản lí doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh thấp và chưa thật sự quan tâm đến quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của các doanh nghiệp chưa như kì vọng, vẫn còn khoảng cách phát triển khá xa so với các nước, các tập đoàn quốc tế.

+ Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước trong khu vực và trên thế giới là thách thức không nhỏ của tỉnh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Sự cạnh tranh này đến từ các yếu tố hạn chế của nguồn vốn đầu tư, trình độ phát triển khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực lao động, thị trường tiêu thụ, giá cả sản phẩm,...

+ Hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kĩ thuật, hạ tầng logistic,... vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của nền kinh tế, nhất là hạ tầng giao thông, chưa kết nối đồng bộ với khu vực và thế giới. Ở khu vực nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kĩ thuật,... chưa chuẩn hoá và phủ kín đến cơ sở, làm gia tăng chi phí, tốn nhiều thời gian vận chuyển trong quá trình vận hành, phân phối hàng hoá và dịch vụ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài vào tỉnh, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài.

III. CHÍNH SÁCH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA TỈNH ĐẮK LẮK TRONG THỜI GIAN TỚI



Đọc thông tin và dựa vào kiến thức bản thân, em hãy cho biết tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện những chủ trương hoặc nhóm giải pháp gì để hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả?

Quá trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Đắk Lắk gắn liền với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của cả nước. Để quá trình phát triển kinh tế – xã hội nói chung và quá trình hội nhập kinh tế của tỉnh hiệu quả, thời gian tới tỉnh Đắk Lắk cần thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ, kịp thời sau:

– Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về hội nhập kinh tế quốc tế đến các cấp, các ngành và toàn dân. Tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo, phổ biến kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế đến cán bộ, doanh nghiệp và nhân dân, trong đó tập trung triển khai tuyên truyền các nội dung về cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế, các quy định về xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới,...

– Nâng cao năng lực cạnh tranh ở cấp độ tỉnh và doanh nghiệp. Đắk Lắk cần tập trung mọi nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ tài chính và chính sách cho các doanh nghiệp tham gia ngày càng sâu và rộng vào quá trình phân công lao động quốc tế.

– Tăng cường hợp tác với các địa phương, các khu vực và các tập đoàn kinh tế quy mô toàn cầu nhằm thúc đẩy giao lưu, hợp tác kinh tế, trao đổi thương mại và thu hút đầu tư. Đẩy mạnh xúc tiến các hoạt động thương mại, đầu tư trong và ngoài

nước. Tỉnh cần triển khai nhiều đoàn công tác, doanh nghiệp khảo sát thị trường, tham gia hội chợ quốc tế, giao lưu văn hoá nhân dân,... nhằm kết nghĩa, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường xuất khẩu, kêu gọi và thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

– Đặc biệt, cần đổi mới cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế thông qua hệ thống văn bản pháp quy (quy định về chính sách xúc tiến thương mại và đầu tư, quy định về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ,...). Tăng cường các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp có tiềm năng, thương hiệu, đủ sức cạnh tranh với các thương hiệu mạnh trong khu vực và thế giới.

Đặc biệt, trong *Kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ –CP, ngày 20/02/2023 về Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022 –2026 thực hiện Chỉ thị số 15 –CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030, tỉnh Đắk Lắk đã đề ra các giải pháp cụ thể như sau:*

– Tuyên truyền, nâng cao nhận thức đúng đắn, ý thức, trách nhiệm đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác ngoại giao và hội nhập kinh tế

– Tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác nước ngoài trong quá trình hội nhập kinh tế

– Nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021 – 2030

– Đẩy mạnh vận động, thu hút nguồn lực từ bên ngoài nhằm củng cố các động lực tăng trưởng phục vụ phát triển kinh tế – xã hội

– Xây dựng ngoại giao và hội nhập kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm

– Tăng cường theo dõi, cập nhật kịp thời thông tin, tình hình kinh tế thế giới; tham mưu hiệu quả về hội nhập kinh tế quốc tế

– Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và bố trí nguồn lực triển khai công tác ngoại giao và hội nhập kinh tế



LUYỆN TẬP

1. Phân tích và lấy ví dụ minh họa những cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đắk Lắk.

2. Trình bày những thành tựu tiêu biểu của tỉnh Đắk Lắk trong hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian vừa qua.

3. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, địa phương em đã có những chính sách hội nhập và phát triển kinh tế nào? Kể tên và lấy ví dụ minh họa.



VẬN DỤNG

Tạo bộ sưu tập hình ảnh giới thiệu một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh Đắk Lắk.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở TỈNH ĐẮC LẮK



MỤC TIÊU

- Nêu được khái niệm về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và thực trạng ô nhiễm môi trường tại tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Trình bày được một số biện pháp cơ bản về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Đắk Lắk
- Tìm hiểu các hoạt động của địa phương trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, từ đó nêu được hướng khắc phục suy thoái môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Đắk Lắk.
- Giáo dục cho học sinh ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.



MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện nhiều hoạt động thiết thực nhằm khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, khắc phục suy thoái môi trường ở địa phương. Tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp bảo vệ môi trường (môi trường đất, nước, không khí) và tài nguyên thiên nhiên, bước đầu đã mang lại những kết quả khả quan.



Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết Đắk Lắk đã áp dụng những biện pháp cần thiết nào để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?



KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Bảo vệ môi trường



Bảo vệ môi trường là gì? Nêu các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường.

a) Khái niệm

Bảo vệ môi trường là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; Cải thiện môi trường, đảm bảo cân bằng sinh thái; ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Một số quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường



Dựa vào Điều 4, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hãy chọn và phân tích 2 trong số các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường. Lấy ví dụ minh họa cho 1 trong các quy định đó.

Điều 4, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV quy định:

1. Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

2. Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

3. Bảo vệ môi trường gắn kết hài hoà với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

4. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hoá, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế – xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

2. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên



Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là gì? Lấy ví dụ minh họa cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Tài nguyên thiên nhiên là những vật chất có sẵn trong tự nhiên mà con người có thể khai thác, chế biến, sử dụng phục vụ cuộc sống của con người (tài nguyên rừng, đất, nước, sinh vật, khoáng sản,...). Tài nguyên thiên nhiên là một bộ phận thiết yếu của môi trường. Mọi hoạt động khai thác tài nguyên do con người thực hiện đều có ảnh hưởng đến môi trường.

Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là một trong những hoạt động bảo vệ môi trường. Do đó, việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân. Dưới khía cạnh khai thác kinh tế, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên; phục hồi, tái tạo các nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể phục hồi được.



Hình 7.2. Vườn quốc gia Chư Yang Sin ở tỉnh Đắk Lắk

II. THỰC TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH ĐẮK LẮK



Dựa vào thông tin trong bài, hãy nêu thực trạng ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...) ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

1. Ô nhiễm môi trường đất

Việc sử dụng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng phổ biến trong sản xuất nông nghiệp là nguyên nhân chủ yếu làm đất bị ô nhiễm. Theo kết quả nghiên cứu từ Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020⁽¹⁾, cây trồng chỉ hấp thụ bình quân 40 – 50% lượng phân bón đưa vào đất, số lượng còn lại được thải ra môi trường. Với tổng diện tích đất trồng trọt gần 500 000 ha, tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng năm 2020 hơn 500 nghìn tấn, như vậy lượng phân bón vô cơ thải ra môi trường hằng năm là rất lớn.

Ô nhiễm môi trường đất do rác thải sinh hoạt, sản xuất. Rác thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực dân cư nông thôn tập trung vẫn là vấn đề đáng quan tâm trong thời gian gần đây trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.



Hình 7.3. Ô nhiễm môi trường đất tại bãi rác ở thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

Hầu hết các bãi chôn lấp tập trung, xử lý chất thải trên địa bàn các huyện, xã chưa được đầu tư theo đúng tiêu chuẩn bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Rác thải được thu gom và chôn lấp thủ công, xử lý sơ bộ bằng cách phun thuốc diệt ruồi, các chất khử mùi và đốt. Các bãi chôn lấp không được lót đáy chống thấm và bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí cho khu vực xung quanh bãi chôn lấp.

2. Ô nhiễm môi trường nước

– Nguồn nước trên mặt

Theo *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020*, về tổng thể, chất lượng nguồn nước mặt trên địa bàn toàn tỉnh còn khá tốt. Diễn biến chất lượng nước sông, suối, hồ trên địa bàn tỉnh tại hầu hết các điểm khảo sát đều đạt từ mức trung bình (sử dụng cho mục đích tương đương) đến mức tốt (sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt). Tuy nhiên, ở một số điểm khảo sát (sông Ea H'leo, sông Krông Búk, sông Krông Năng, suối Ea Nao, suối Ea Tam, suối Sút M'grư, ...), hàm lượng COD, BOD, pH tại một số thời điểm vẫn vượt giới hạn quy chuẩn cho phép.⁽¹⁾

Nguyên nhân là do các sông suối tiếp nhận chất thải sinh hoạt, sản xuất, các hoạt động nuôi trồng thủy hải sản và hoạt động khai thác cát lòng sông làm gia tăng các chỉ số ô nhiễm.

Theo kết quả đánh giá giai đoạn 2016 – 2020, chất lượng nước hồ có xu hướng giảm nhưng vẫn cơ bản đảm bảo cho mục đích tưới tiêu và các mục đích khác. Một số hồ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có chất lượng nước tốt như hồ Ea Súp Thượng, hồ Ea Chu Cáp, hồ Sen – Krông Ana,...

⁽¹⁾ Theo *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020*, tr 66 - 71.

– Nguồn nước dưới đất

Theo *Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh Đắk Lắk*, chất lượng nguồn nước dưới đất chưa bị ô nhiễm, chất lượng tốt, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và các mục đích khác. Một số điểm khảo sát có hàm lượng vi khuẩn coliform vượt giới hạn quy chuẩn, cần tiến hành khử trùng trước khi sử dụng.

– Nguồn nước thải sinh hoạt và nước thải bãi chôn lấp

Trong giai đoạn 2017 – 2020, tại các điểm khảo sát, nước rỉ rác tại bãi chôn lấp⁽¹⁾ vẫn chưa được xử lý triệt để nên có nồng độ ô nhiễm cao, vượt giới hạn cho phép của quy chuẩn nhiều lần.



Hình 7.4. Bãi rác lộ thiên trên địa bàn huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

3. Ô nhiễm môi trường không khí

Trong giai đoạn 2011 – 2020, kết quả quan trắc môi trường không khí (các thông số NO_2 , SO_2 , CO_2 , Pb,...) đều nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, tiếng ồn và nồng độ H_2S ở một số điểm quan trắc (các đầu mối giao thông, khu vực đông dân cư, các bãi chôn lấp rác thải, trung tâm xử lý chất thải rắn Buôn Ma Thuột, trung tâm lò gạch huyện Krông Ana) còn cao, vượt giới hạn cho phép. Nguyên nhân là do hoạt động chôn lấp chất thải rắn, xử lý nước thải, hoạt động sản xuất của khu công nghiệp.

Tại hầu hết các đầu nút giao thông, các khu vực đông dân cư, kết quả khảo sát tiếng ồn và nồng độ bụi ở mức cao, vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn do phương tiện vận tải, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, các hoạt động kinh doanh, sinh sống của người dân.

Một số điểm có tiếng ồn thường xuyên ở mức cao, vượt giới hạn như ngã ba Duy Hoà (TP. Buôn Ma Thuột), chợ Buôn Ma Thuột (TP. Buôn Ma Thuột), ngã tư Phan Chu Trinh – Lê Thị Hồng Gấm (TP. Buôn Ma Thuột), trung tâm các huyện, thị xã.

Nồng độ bụi cũng thay đổi qua các tháng trong năm và theo diễn biến mùa. Nồng độ bụi tại tất cả các điểm khảo sát có xu hướng giảm về mùa mưa.

⁽¹⁾ Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 15 bãi chôn lấp rác đang hoạt động.



Hình 7.5. Tuyến đường giao thông trong giờ cao điểm ở thành phố Buon Ma Thuộc

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CƠ BẢN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở TỈNH ĐẮK LẮK

1. Một số biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Đắk Lắk



Hãy cho biết một số biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Đắk Lắk. Lấy ví dụ minh chứng.

Bảo vệ môi trường ở tỉnh Đắk Lắk là quá trình đòi hỏi sự kiên trì và quyết tâm thực hiện không chỉ của người dân mà còn là sự tham gia của cả hệ thống chính trị, mọi tầng lớp, tổ chức trong xã hội.

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, trong thời gian qua đã và đang thực hiện một số biện pháp sau đây:

– Kết hợp tuyên truyền, giáo dục với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khoa học – công nghệ để kiểm soát việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hoá bảo vệ môi trường trong cộng đồng.



Hình 7.6. Học sinh Đắk Lắk tham gia các hoạt động hưởng ứng chương trình Thiếu nhi Việt Nam tìm hiểu và tuyên truyền bảo vệ môi trường

– Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái. Tuân thủ nguyên tắc khí thải, nước thải, rác thải từ quá trình sản xuất và sinh hoạt phải được xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường.

– Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu, công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, thân thiện với môi trường; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo trong quá trình sản xuất và sinh hoạt.



Hình 7.7. Phát triển năng lượng điện gió trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Hình 7.8. Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Hoà Phú

b) Một số biện pháp cơ bản bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Để bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tỉnh Đắk Lắk cần thực hiện các biện pháp cơ bản sau:

– Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật nhằm quản lý chặt chẽ môi trường tự nhiên và nâng cao hiệu quả việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên có trên địa bàn, nhất là các nguồn tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng đến phát triển bền vững khu vực Tây Nguyên.

– Khai thác, sử dụng tiết kiệm và hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và đời sống nhân dân.

– Giảm thiểu sử dụng tài nguyên thiên nhiên không thể phục hồi bằng cách sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo hay vật liệu thay thế an toàn, có tính bền vững.

– Áp dụng công nghệ và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, đẩy mạnh sử dụng sản phẩm có khả năng tái chế; hạn chế dùng các sản phẩm như nhựa, túi ni lông, các hoá chất độc hại, gây ô nhiễm lâu dài,...

– Bảo vệ, phát triển và nâng cao chất lượng rừng và tăng độ che phủ rừng, nhất là duy trì độ che phủ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ; bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

– Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân và huy động mọi lực lượng xã hội tham gia bảo vệ, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.



Hình 7.9. Đoàn viên thanh niên ở các trường tham gia trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



LUYỆN TẬP

1. Nêu một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên cụ thể ở tỉnh Đắk Lắk hoặc nơi em ở. Lấy ví dụ minh họa.
2. Hoàn thành bảng dưới đây cho thấy một số mô hình bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên hiệu quả ở tỉnh Đắk Lắk.

Tên mô hình	Địa điểm và quy mô	Mục đích	Hoạt động bảo vệ môi trường	Hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên



VẬN DỤNG

Hãy tìm hiểu một số hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Đắk Lắk. Từ đó, nêu được hướng khắc phục suy thoái môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên theo gợi ý sau:

- Hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên: vẽ tranh, chụp hình, quay video, dựng tiểu phẩm, viết bài hùng biện,...
- Tuyên truyền bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên: tổ chức hội thảo; diễn đàn; poster, tờ rơi, infographic, panô, tranh cổ động,...; xây dựng website/ blog; phát thanh qua chương trình học đường, phát thanh địa phương;...
- Nêu một số hướng khắc phục suy thoái môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em.

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK



MỤC TIÊU

- Khái quát được kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Đắk Lắk.
- Hiểu được vai trò của chính sách an sinh xã hội đang được thực hiện tại địa phương.



MỞ ĐẦU

1. Người dân tộc thiểu số, người già, trẻ em ở địa phương em nhận được những trợ giúp gì từ chính quyền các cấp?
2. Em hãy cho biết những trợ giúp trên thuộc chính sách nào của Đảng, Nhà nước?



KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình của Nhà nước và các lực lượng xã hội nhằm hạn chế, phòng ngừa và khắc phục rủi ro cho các thành viên trong cộng đồng trong trường hợp bị mất hoặc giảm thu nhập hay khi gặp phải những rủi ro xã hội khác.

Em có biết

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 lần đầu tiên khẳng định quyền an sinh xã hội cơ bản cho người dân:

Điều 34: Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội;

Điều 59:

1. Nhà nước, xã hội tôn vinh, khen thưởng, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với nước.
2. Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác.

3. Nhà nước có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người có chỗ ở.

Điều 22 Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948 quy định:

Với tư cách là một thành viên của xã hội, ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội, cũng như có quyền đòi được hưởng những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá cần thiết cho nhân phẩm và sự tự do phát huy cá tính của mình, nhờ những nỗ lực quốc gia, sự hợp tác quốc tế, và theo cách tổ chức cùng tài nguyên của quốc gia.

(Nguồn: <https://www.un.org>)

Hiện nay, hệ thống an sinh xã hội ở nước ta bao gồm một số chính sách cơ bản sau đây:

Thứ nhất, bảo hiểm xã hội. Đây được coi là chính sách chủ yếu và quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội. Chính sách bảo hiểm xã hội chủ yếu do Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện. Bảo hiểm xã hội hỗ trợ người dân giảm thiểu rủi ro về sức khỏe khi ốm đau, tai nạn, tuổi già và khi bị thất nghiệp thông qua các hình thức, cơ chế bảo hiểm xã hội để bù đắp một phần thu nhập bị mất hoặc bị suy giảm nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động và gia đình họ.

Em có biết

Luật số: 58/2014/QH13 Luật Bảo hiểm xã hội quy định:

1. Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

2. Bảo hiểm xã hội bắt buộc là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia.

3. Bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.

Điều 4 của Luật trên quy định các chế độ bảo hiểm xã hội như sau:

1. Bảo hiểm xã hội bắt buộc có các chế độ sau đây:

- a) Ốm đau;
- b) Thai sản;
- c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- d) Hưu trí;
- đ) Tử tuất.

2. Bảo hiểm xã hội tự nguyện có các chế độ sau đây:

- a) Hưu trí;
- b) Tử tuất.

3. Bảo hiểm hưu trí bổ sung do Chính phủ quy định.

Thứ hai, trợ giúp xã hội. Các chính sách trợ giúp xã hội nhằm bảo vệ phổ cập đối với mọi thành viên trong xã hội trên cơ sở sự tương trợ cộng đồng, chia sẻ rủi ro. Nhà nước thực hiện chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em mồ côi,...) và trợ cấp đột xuất cho người dân gặp thiên tai, mất mùa, dịch bệnh,... giúp họ ổn định cuộc sống

Thứ ba, nhóm chính sách về dịch vụ xã hội cơ bản giúp người dân tiếp cận các dịch vụ về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông,... đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ chế cung ứng dịch vụ công, dịch vụ cơ bản, thiết yếu cho Nhân dân, tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ, điều kiện nguồn lực cụ thể, người sử dụng dịch vụ có thể không phải trả tiền hoặc có thể phải thanh toán một phần chi phí. Các cơ chế cung ứng dịch vụ công, dịch vụ cơ bản, thiết yếu đều hướng tới huy động tối đa các nguồn lực của xã hội, gắn kết hữu cơ với vai trò chủ đạo của Nhà nước để không ngừng nâng cao mức sống cơ bản của mọi người dân, đảm bảo tốt hơn quyền an sinh, công bằng, bình đẳng xã hội.

Thứ tư, nhóm chính sách về lao động việc làm, xoá đói giảm nghèo. Những chính sách này nhằm đảm bảo việc làm, tạo thu nhập và giảm nghèo, hỗ trợ người dân chủ động phòng ngừa các rủi ro trên thị trường lao động thông qua các chính sách đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, tín dụng, tạo việc làm, thu nhập tối thiểu và giảm nghèo đơn chiều, đa chiều, bền vững.

Chính sách an sinh xã hội có nội dung rất rộng và ngày càng được hoàn thiện trong quá trình phát triển của nhận thức và thực tiễn xã hội. Mặc dù có nhiều cách phân chia khác nhau nhưng mục đích của các chính sách xã hội đều nhằm phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro và khắc phục rủi ro. Các chính sách an sinh xã hội trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo mục đích đảm bảo an sinh xã hội, từ đó góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội và phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

II. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK

1. Một số kết quả đạt được

a. Bảo hiểm xã hội

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tỷ lệ người tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, Bảo hiểm thất nghiệp đều tăng qua từng năm, đặc biệt, số người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2023 đạt tỷ lệ bao phủ 92,7%/ dân số⁽¹⁾. Với mục tiêu mở rộng phạm vi bao phủ của BHYT năm 2025 là đạt 95% góp phần vào công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân theo hướng công bằng, hiệu quả, chất lượng và phát triển bền vững, UBND tỉnh đã xây dựng và triển khai nhiều kế hoạch để bao phủ BHYT trên địa bàn tỉnh.

⁽¹⁾ BHXH tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo Số 160/BC–BHXH ngày 16/01/2024, Báo cáo Kết quả công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024, Đắk Lắk, 2024.

+ Giải quyết chế độ cho người hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp và hưởng kinh phí hỗ trợ học nghề. Đến hết năm 2023, số người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng ở khu vực đô thị đạt 54%; số người hưởng các chế độ BHXH một lần ở khu vực đô thị đạt 81%; số người hưởng trợ cấp thất nghiệp ở khu vực đô thị đạt 91%, đều vượt chỉ tiêu BHXH Việt Nam giao.

+ Tổ chức tuyên truyền, đối thoại trực tiếp, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình; vận động các nhà hảo tâm và bố trí kinh phí hỗ trợ một phần để tặng sổ BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Năm 2023, BHXH tỉnh kêu gọi các doanh nghiệp, mạnh thường quân, nhà hảo tâm hỗ trợ tặng thẻ BHYT cho người dân có hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ–TTg với số tiền hỗ trợ là 648 880 200 đồng và tổ chức chương trình trao thẻ BHYT từ nguồn kinh phí hỗ trợ của các doanh nghiệp. Đối với việc tham gia BHXH tự nguyện, NSNN hỗ trợ cho cá nhân thuộc đối tượng hộ nghèo là 30%, cận nghèo 25% và các đối tượng khác 10%⁽¹⁾.

b. Chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội

Các chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội đối với các đối tượng theo đúng quy định của Nhà nước đã được thực hiện tốt. Một số kết quả có thể kể đến như sau:

– Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được đẩy mạnh, các địa phương đã huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống cho người có công với cách mạng; tiếp tục duy trì phát triển 184/184 xã, phường làm tốt công tác quan tâm, chăm sóc Thương binh Liệt sĩ và Người có công bằng các hoạt động thiết thực như hỗ trợ xây mới, sửa chữa các căn nhà tình nghĩa, trao tặng sổ tiết kiệm... Ngoài ra, từ nguồn kinh phí của Trung ương, tỉnh, huyện, xã, các cấp chính quyền trong tỉnh cũng đã đến thăm, tặng quà cho các đối tượng chính sách người có công vào các dịp Lễ, Tết, ngày kỷ niệm trong năm.

– Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội; nhất là chính sách hỗ trợ, chăm lo đời sống cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Trợ giúp dịp Tết Nguyên đán cho các cá nhân, hộ gia đình và tập thể có hoàn cảnh khó khăn để người dân đón Tết.

Hiện nay, toàn tỉnh có 70 642 đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên⁽²⁾ với nguồn ngân sách của tỉnh. Ngoài ra, các hoạt động như hỗ trợ các hộ gia đình có người chết, nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, bị hư hỏng nặng khi có thiên tai; hỗ trợ gạo cứu đói dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt được thực hiện kịp thời và hiệu quả. Bên cạnh đó, tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng 435 đối tượng, trong đó có 397 đối tượng thuộc diện Nhà nước nuôi dưỡng và 38 người thuộc diện tự nguyện.

⁽¹⁾ Nhóm tác giả tổng hợp từ các Báo cáo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

⁽²⁾ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Báo cáo Số Số: 3559/BC–SLĐTĐBXH ngày 29/12/2023, Báo cáo Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.

– Các chính sách về bảo vệ chăm sóc trẻ em đã đi vào ổn định và đạt được những kết quả đáng khích lệ; đến nay tỉ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, hỗ trợ dưới mọi hình thức khoảng 99%. Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh đã vận động các tổ chức, doanh nghiệp, các cơ quan đơn vị, tập thể, cá nhân trong và ngoài tỉnh tạo nguồn kinh phí ổn định để thực hiện công tác hỗ trợ.

c. Các chính sách về giáo dục

+ Trong những năm qua, tỉnh đã và đang duy trì nhiều chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học bổng và miễn giảm học phí cho các đối tượng: Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật; Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo; Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí và học phí cho sinh viên sư phạm; Chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. Số tiền được chi trả theo đúng thời gian quy định và kịp thời nhằm giúp các đối tượng trên có thể đến trường và tiếp tục việc học.

+ Chính sách phát triển giáo dục mầm non được thực hiện theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 “Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non” của Chính phủ. Theo đó, tỉnh hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em là đối tượng được hỗ trợ từ 3 đến 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non tại thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện trong tỉnh; Hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn tại các huyện Krông Bông, Buôn Đôn, Ea H'Leo, Ea Kar, Krông Năng, Ma Đrăk, Ea Súp; thực hiện chính sách hỗ trợ đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, lớp tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS tại 12/15 huyện (trừ thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và huyện Lắk⁽¹⁾) Những chính sách này nhằm tạo điều kiện để trẻ em, nhất là trẻ em các DTTS và các vùng khó khăn được đến trường và đảm bảo về dinh dưỡng đồng thời khuyến khích giáo viên tích cực tham gia vào công tác giảng dạy cho trẻ em người DTTS.

d. Các chính sách về lao động việc làm, xóa đói giảm nghèo, nhà ở xã hội

– Về lao động, việc làm

+ Tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương và lao động ở các địa phương khác trở về. Hàng năm, giải quyết việc làm cho người lao động thường đạt và vượt chỉ tiêu đã đặt ra.

+ Các cơ quan chức năng của tỉnh thường xuyên tăng cường công tác thông tin thị trường lao động, tăng số phiên giao dịch việc làm để cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động và người lao động giúp cho họ tìm được việc làm phù hợp. Các bên liên quan sẽ tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động để tư vấn và tuyển dụng lao động đi xuất khẩu lao động ở các thị trường tiềm năng (như Hàn Quốc, Nhật Bản,...) đồng thời có chính sách hỗ trợ để người dân được vay vốn của Ngân hàng chính sách đủ mức đi xuất khẩu lao động mà không phải thế chấp tài sản.

⁽¹⁾ Nhóm tác giả tổng hợp từ các Báo cáo chính sách an sinh xã hội của tỉnh Đắk Lắk năm 2023.



Hình 8.1. Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Lắk Thôn 10, xã Hoà Thắng, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

+ Tỉnh uỷ, HĐND và UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố quyết liệt chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng kinh tế ở địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

+ Huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để các thành phần kinh tế phát triển nhanh, bền vững; đảm bảo liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động và phát triển tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.

– Về xoá đói giảm nghèo

+ Thực hiện đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; việc phân bổ và giải ngân vốn từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh được thực hiện có hiệu quả.

+ Các chính sách giảm nghèo được các địa phương quan tâm thực hiện tốt nhờ vậy đã góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu thống kê của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, năm 2024, toàn tỉnh còn 46 091 hộ nghèo và 34 285 hộ cận nghèo. Mục tiêu phấn đấu của tỉnh là giảm tỉ lệ hộ nghèo trên toàn tỉnh còn từ 1,5 – 2%/năm; tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm còn 3 – 4%/năm.

+ Thực hiện các biện pháp tuyên truyền đến các cấp chính quyền, người dân, phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững; nhân rộng các mô hình giảm nghèo để người dân thấy được cái lợi; phối hợp cùng chính quyền địa phương xây dựng các mô hình thiết thực, hiệu quả vươn lên thoát nghèo bền vững; tạo điều kiện cơ sở vật chất, đường sá giúp người dân thuận lợi trong việc lưu thông hàng hoá nông sản,...

– Về nhà ở xã hội

+ Triển khai Chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ với số tiền là 120 nghìn tỉ đồng. Từ ngày 01/4/2023, chủ đầu tư và người mua nhà có thể làm theo hướng dẫn của ngân hàng để tiếp cận nguồn vốn vay theo quy định của pháp luật.

+ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 dự án đủ điều kiện cho vay ưu đãi Chương trình tín dụng 120 nghìn tỉ đồng đã được UBND tỉnh Đắk Lắk công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh: (1) Nhà ở xã hội 20% thuộc dự án Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An thuộc Khu đô thị phía Bắc đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột; (2) Nhà ở xã hội 20% thuộc dự án Khu đô thị dân cư Km7 thuộc Khu đô thị dân cư Km7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện trong thời gian qua tại Đắk Lắk đã đem lại những kết quả to lớn:

* Đối với Nhân dân trong tỉnh

+ Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển như: các điều kiện về an toàn, sức khỏe, giáo dục, lao động, thu nhập, được chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác.

+ Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như: y tế, giáo dục, bảo hiểm,...

+ Phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro và biến cố xã hội như: bệnh tật, tai nạn, thất nghiệp, thương tật, tuổi già, chết, thiên tai, dịch hoạ,...

* Đối với sự phát triển của tỉnh

+ An sinh xã hội là nòng cốt quan trọng của chính sách xã hội của tỉnh nhằm mang lại cho người dân một cuộc sống tốt đẹp, phát triển xã hội một cách bền vững, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và truyền thống văn hoá của Nhân dân trên địa bàn tỉnh, bảo đảm công bằng, tiến bộ và bình đẳng để nâng cao chất lượng cuộc sống, hạnh phúc của Nhân dân.

+ Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của Nhà nước và tinh thần đoàn kết của xã hội.

2. Một số vấn đề đặt ra

– Đắk Lắk là tỉnh có địa bàn rộng, địa hình phức tạp, đồng bào DTTS đông, kinh tế kém phát triển, thu ngân sách còn hạn chế nên nguồn tài chính phục vụ cho an sinh xã hội còn gặp nhiều khó khăn.

– Trình độ phát triển kinh tế – xã hội không đồng đều, nhiều huyện, xã thấp dưới mặt bằng chung của quốc gia và tỉnh, gây ra nhiều khó khăn trong việc thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách an sinh xã hội.

– Việc xoá đói giảm nghèo, nhất là đối với đồng bào DTTS còn chậm, công tác đào tạo nghề cho người nghèo chưa đạt được số lượng và chất lượng do hạn chế từ kinh phí hỗ trợ, số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh còn đông, ý thức xoá đói giảm nghèo của người dân chưa cao.

– Tỷ lệ người tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh còn thấp so với tiềm năng; số người đề nghị giải quyết chế độ BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp tăng cao qua các năm; tình trạng nợ BHXH, BHYT còn cao. Đối tượng chưa tham gia BHYT chủ yếu là học sinh, sinh viên, lao động khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và nông dân lao động tự do, người làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình.

– Một số cán bộ thực hiện chính sách an sinh xã hội còn hạn chế về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, các phòng, ban thực hiện chính sách an sinh xã hội đôi lúc còn chưa có những biện pháp và tham mưu kịp thời để thực hiện tốt và hiệu quả các chính sách an sinh xã hội.

Để thực hiện tốt và có hiệu quả hơn nữa các chính sách an sinh xã hội, thời gian tới cần tiến hành một số giải pháp sau đây:

– Tăng cường hơn nữa vai trò của các cấp chính quyền và người dân trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

– Tích cực huy động các cá nhân, hộ gia đình, người lao động, doanh nghiệp và cộng đồng trên địa bàn tỉnh tham gia vào việc trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo tinh thần xã hội hóa.

– Thực hiện chính sách an sinh xã hội có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt quan tâm đến các chính sách nhằm hỗ trợ người dân tộc thiểu số, người nghèo,... trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực tự an sinh cho mọi người.



*Hình 8.2. Một hộ dân ở thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp được vay vốn ưu đãi đầu tư cho vườn cao su.
(Nguồn: Hoài Thu/ TTXVN)*



Hình 8.3. Nhờ vốn vay ưu đãi, nhiều hộ dân xã Ea Lê, huyện Ea Súp đã mạnh dạn nuôi trâu, bò mang lại cuộc sống ấm no.



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ hoá các chính sách về an sinh xã hội.
2. Hãy tìm hiểu về các chính sách an sinh xã hội đang được thực hiện tại địa phương em và điền vào bảng dưới đây:

TT	Tên chính sách	Lĩnh vực tác động	Chủ thể thực hiện	Đối tượng thụ hưởng	Ý nghĩa
1					
2					



VẬN DỤNG

Em hãy kể một số hoạt động của bản thân góp phần vào việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại trường học và địa phương nơi em cư trú.

